



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre



Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre

26 Nguyễn Trung Trực, Phường An Hội, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Điện thoại: (0275) 382 6358

Email: ctdt_bt@yahoo.com

Website: www.congtrinhdothibentre.vn



MỤC LỤC

1

Thông tin chung

Thông tin khái quát
Lịch sử hình thành và phát triển
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
Định hướng phát triển
Rủi ro trong quá trình hoạt động

Trang 04

2

Tình hình hoạt động trong năm

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Trang 22

3

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

Trang 48

4

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

Trang 62

5

Quản trị Công ty

Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Trang 70

6

Báo cáo tài chính

Ý kiến kiểm toán
Báo cáo tài chính được kiểm toán

Trang 84



01

Thông tin chung

Thông tin khái quát về BENTREPCO

Quá trình hình thành và phát triển

Các thành tích tiêu biểu

Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

VỀ BENTREPCO



Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

1300113091 (số cũ: 5504000011) do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 18/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 15/03/2023.



Tên Công ty

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre



Tên giao dịch

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre



Tên viết tắt

BENTREPCO



Tên Tiếng Anh

BEN TRE PROJECT JOINT STOCK COMPANY



Mã cổ phiếu

BTU



Vốn điều lệ

36.000.000.000 đồng



Trụ sở chính

26 Nguyễn Trung Trực, Phường An Hội, TP. Bến Tre



Số điện thoại

(027) 5382 6358



Email

ctdt_bt@yahoo.com

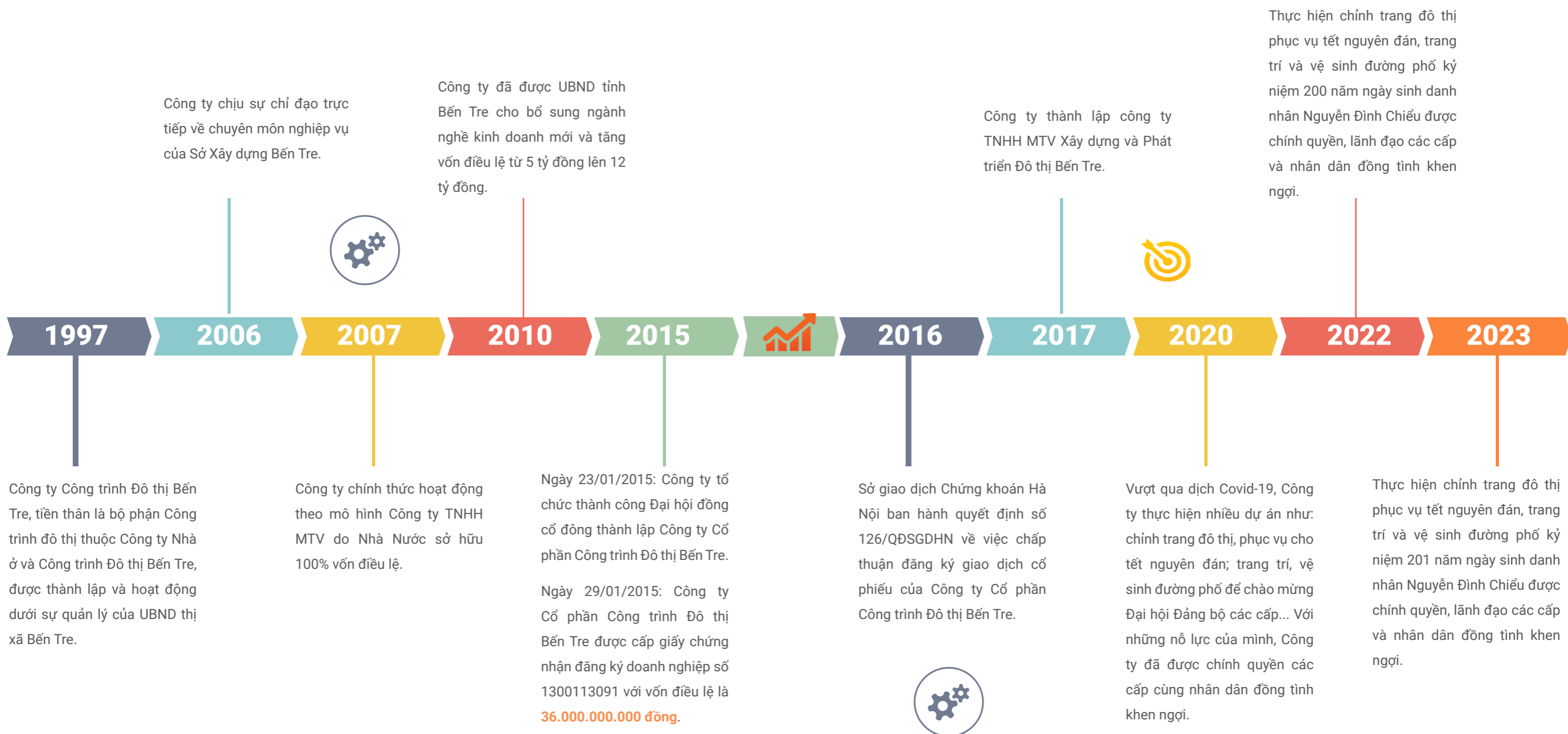


Website

www.congtrinhdothibentre.vn



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN





CÁC THANH TÍCH

TIÊU BIỂU



DANH HIỆU THI ĐUA



STT	Số Quyết định, ngày, tháng	Cơ quan ban hành	Thành tích
1	Quyết định số 409/QĐ-LĐLĐ ngày 10/11/2022	Liên đoàn lao động thành phố	Xếp loại CĐCS Công ty cổ phần Công trình đô thị Bến Tre hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2022
2	Quyết định số 38/QĐ-LĐLĐ ngày 13/11/2023	Liên đoàn lao động thành phố	Xếp loại CĐCS Công ty cổ phần Công trình đô thị Bến Tre hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2023
3	Quyết định số 2874/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	Công nhận cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục cấp tỉnh đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự" năm 2023.

HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

STT	Số Quyết định, ngày, tháng	Cơ quan ban hành	Thành tích
1	Quyết định số 1026/QĐ-LĐLĐ ngày 28/6/2022	Liên đoàn lao động tỉnh	Bảng khen đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động "Tháng công nhân" năm 2022.
2	Quyết định số 1126/QĐ-LĐLĐ ngày 04/01/2023	Liên đoàn lao động tỉnh	Cờ đạt thành tích đơn vị xuất sắc trong phong trào CNVCLĐ và hoạt động Công đoàn khối Doanh nghiệp năm 2022.
3	Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 04/4/2023	Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	Bảng khen đạt thành tích tổng kết năm
4	Quyết định số 7143/QĐ-TLĐ ngày 28/4/2023	Tổng Liên đoàn Việt Nam	Bảng khen đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua "Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm An toàn vệ sinh lao động" năm 2022.
5	Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre	Giấy khen đạt thành tích tốt trong phong trào CNVCLĐ và hoạt động Công đoàn thành phố Bến Tre nhiệm kỳ 2017-2023.

KHEN THƯỞNG NĂM 2023

STT	Số Quyết định, ngày, tháng	Cơ quan ban hành	Thành tích
1	Quyết định số 634/QĐ-TLĐ ngày 26/03/2024	Tổng Liên đoàn Việt Nam	Cờ thi đua khi đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua "Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm An toàn vệ sinh lao động", năm 2023.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
	Ghi chú: Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn giám sát công tác thi công xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật.
0118	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh Chi tiết: Trồng hoa, cây cảnh.
0130	Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp
0161	Hoạt động dịch vụ trồng trọt
2012	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ
3811 (Chính)	Thu gom rác thải không độc hại
2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
3821	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại
3830	Tái chế phế liệu. Chi tiết: Xử lý (làm sạch, nóng chảy, nghiền) rác thải bằng nhựa hoặc cao su để nghiền thành hạt nhỏ
3900	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác
4100	Xây dựng nhà các loại
4210	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
4220	Xây dựng công trình công ích
4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
4321	Lắp đặt hệ thống điện
4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
4330	Hoàn thiện công trình xây dựng
4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
4520	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (TIẾP THEO)

4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn hoa và cây
4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện.
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.
8130	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan
9321	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (TIẾP THEO)

Công ty thực hiện những công trình, dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh Bến Tre, chủ yếu là thành phố Bến Tre và các huyện trong tỉnh như huyện Châu Thành, Giồng Trôm, Thạnh Phú, Mỏ Cày Nam, Mỏ Cày Bắc, ...








ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

- Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- Ổn định sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ, xây dựng chiến lược phát triển công ty, bảo toàn và phát triển vốn.
- Khai thác và sử dụng hiệu quả các phương tiện, trang thiết bị hiện có, trang bị thêm cơ sở vật chất phục vụ sản xuất kinh doanh, đảm bảo đủ năng lực cạnh tranh.
- Trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực môi trường đô thị tại Bến Tre và Đồng bằng Sông Cửu Long.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

-  Nâng cao chất lượng dịch vụ, duy trì và giữ vững thương hiệu của Công ty, đảm bảo môi trường sống văn minh, xanh – sạch – đẹp.
-  Xây dựng các chương trình đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý.
-  Hướng tới mục tiêu đô thị văn minh, công ty khuyến khích các hoạt động thiện nguyện, giúp đỡ những người có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn, nâng cao dân trí xã hội, tiến tới mục tiêu xây dựng đô thị giàu đẹp, văn minh, trọng nghĩa tình.



CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

- ▶ Ổn định và mở rộng ngành nghề kinh doanh, phát huy thế mạnh của công ty.
- ▶ Đổi mới mô hình quản trị, củng cố nhân sự Ban Điều hành và các cấp quản lý khác trong Công ty nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.
- ▶ Hoàn thiện Quy chế quản trị và các Quy định khác về quản lý nội bộ đảm bảo công bằng hợp lý và hiệu quả.
- ▶ Tập trung đầu tư đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí quản lý chung, giảm giá thành sản xuất, nâng cao chất lượng dịch vụ và khả năng cạnh tranh.
- ▶ Tích cực liên hệ tìm kiếm thị trường, mở rộng địa bàn hoạt động, trong đó trọng tâm là cung ứng dịch vụ công ích cho thành phố Bến Tre và các huyện trong tỉnh, đảm bảo cho sự ổn định và phát triển Công ty.
- ▶ Bảo đảm tốt lợi ích Nhà nước, lợi ích cổ đông và đảm bảo việc làm, thu nhập, thực hiện tốt các chế độ chính sách cho người lao động.





CÁC RỦI RO



➤ RỦI RO KINH TẾ

Năm 2023 là một năm khó khăn chung cho nền kinh tế thế giới, với sự giảm sút về tăng trưởng GDP, thương mại và đầu tư toàn cầu; trong khi nợ xấu tăng và lạm phát vẫn duy trì ở mức cao, gắn với những diễn biến căng thẳng của các xung đột địa chính trị và phân mảnh công nghệ, thời tiết cực đoan và dịch bệnh diện rộng. Cụ thể, cuộc chiến Nga - Ukraine (từ tháng 02/2022) tiếp tục lâm vào bế tắc trong cả năm 2023, do chưa có giải pháp đột phá từ cả hai bên nhằm giải quyết xung đột, và xung đột trên dải Gaza giữa Palestine và Israel leo thang thành chiến tranh dẫn tới căng thẳng địa chính trị tiếp diễn và phức tạp hơn. Từ đây, thị trường dầu mỏ toàn cầu trở nên thiếu chắc chắn và phân mảnh hơn. Trong 10 tháng đầu năm 2023, giá dầu tăng liên tiếp. Trong đó, giá dầu Brent ngày 10/8/2023 đã đạt mức hơn 88 USD/thùng, mức cao nhất kể từ tháng 01/2023. Từ tháng 11/2023, giá dầu giảm liên tiếp, còn 80 USD/thùng vào tháng 11/2023 và 69,38 USD/thùng ngày 7/12/2023 do lo ngại nhu cầu yếu và nguồn cung từ Mỹ có xu hướng gia tăng. Ngoài ra, thắt chặt tiền tệ vẫn tiếp diễn tại các nền kinh tế phát triển. Chính sách thắt chặt tiền tệ (đã được hầu hết các nước duy trì trong cả 3 quý đầu năm 2023 nhằm đối phó với tình trạng lạm phát cao) đã bước vào giai đoạn cuối cùng của chu kỳ tăng lãi suất trong quý IV/2023, trước bối cảnh tình hình lạm phát được dự báo đã đổi chiều. Đối với Mỹ, sau khi đã nâng lãi suất lần thứ 11 liên tiếp lên khoảng từ 5,25%-5,5% nhằm mục tiêu đưa lạm phát trở lại mức 2%, vào ngày 13/12/2023, Fed đã quyết định duy trì mức lãi suất này lần thứ 3 liên tiếp, đồng thời lên lộ trình cho việc cắt giảm lãi suất nhiều lần trong năm 2024 và những năm tiếp theo.

Trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều khó khăn, thách thức, phức tạp và bất thường, Việt Nam vẫn là điểm sáng trong bức tranh kinh tế chung và và không ngừng nâng tầm vị thế quốc tế. Theo đó, trong khi lạm phát và lãi suất thế giới tiếp tục tăng và giữ ở mức cao, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành những chính sách tiền tệ linh hoạt nhưng thận trọng nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp và người dân. Ngân hàng Nhà nước đã chủ động điều hành tỷ giá thông qua dự trữ ngoại hối cũng như giá bán USD trong năm 2023 khá nhịp nhàng cũng là một thành tựu giúp cho tỷ giá không biến động quá lớn trong một năm đầy thử thách. Tuy nhiên, theo Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2023 tăng 5,05%, thấp hơn mục tiêu 6,5%, cao hơn tốc độ tăng của 2020 và 2021 - thời điểm chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Trong đó, tiêu dùng tăng 3,52%, đóng góp 41,04% vào tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Bên cạnh đó, sự phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế cũng đã tác động tích cực đến hoạt động đô thị. Với những kết quả đã đạt được cho thấy nền kinh tế của Việt Nam năm 2023 hồi phục khá mạnh mẽ. Là một công ty hoạt động trong ngành dịch vụ công ích đô thị, Bentreco đóng vai trò quan trọng trong việc mang lại sự “xanh – sạch – đẹp” cho tỉnh Bến Tre. Nhằm duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và môi trường, Công ty luôn nâng cao kiểm soát công tác quản lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo các chỉ tiêu tài chính đã đề ra. Bên cạnh đó, Công ty luôn theo dõi, nắm bắt tình hình kinh tế chung để chủ động có những giải pháp thích hợp nhằm duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và môi trường.

➤ RỦI RO PHÁP LUẬT

Tuân thủ mọi quy định của Pháp luật là trách nhiệm, là nghĩa vụ của tất cả mọi tổ chức, cá nhân,... Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre là công ty hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, được đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM nên mọi hoạt động của Công ty đều chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật có liên quan. Trải qua 2 năm kể từ năm 2021 khi Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được đưa vào áp dụng đã phần nào giúp công ty hoàn thiện về công tác liên quan đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, Nghị định 32/2019/NĐ-CP và Nghị định 22/2023/QH15 mới nhất có những quy định chặt chẽ về đặt hàng, đấu thầu sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích. Nếu không có sự bám sát kịp thời, BTU sẽ gặp nhiều rủi ro trong quá trình tiến hành các dự án đấu thầu. Ngoài ra, các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty có liên quan trực tiếp bởi Luật Tài nguyên và Luật Bảo vệ môi trường. Do vậy, để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, BTU luôn theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty.

➤ RỦI RO CẠNH TRANH

Năm 2019, Thành phố Bến Tre được công nhận đạt chuẩn đô thị loại II trực thuộc tỉnh. Theo quy hoạch tổng thể phát triển TP. Bến Tre đến năm 2030, sẽ phát triển TP. Bến Tre thành đô thị loại I, là đô thị thông minh, hiện đại, tiên tiến trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Ngoài ra, TP. Bến Tre là địa phương thu hút lượng lớn du khách trong và ngoài nước nên cảnh quan đô thị, cơ sở hạ tầng và môi trường “xanh-sạch-đẹp” đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển ngành du lịch. Do đó, Thành phố Bến Tre đã và đang kêu gọi đầu tư phát triển đô thị, các dự án chỉnh trang đô thị, và các dự án khu dân cư mới. Với nhiều cơ hội phát triển mới mở ra, các doanh nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ công ích đang trở nên ngày càng phát triển và cạnh tranh. Bên cạnh đó Chính phủ đang khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, giới hạn độc quyền của các doanh nghiệp Nhà nước, đặc biệt là trong lĩnh vực dịch vụ công ích, UBND các địa phương đã được chỉ đạo áp dụng rộng rãi hình thức đấu thầu thay vì chỉ định thầu, đặt hàng đối với các doanh nghiệp Nhà nước. Vì vậy, sự cạnh tranh trong công tác trúng thầu thực hiện các dự án ngày càng trở nên khốc liệt, khi nhiều đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị cùng tham gia đấu thầu.

Trong tình hình cạnh tranh này, Công ty luôn cố gắng củng cố vị thế của đơn vị trong ngành cũng như ở địa phương, bằng việc tích cực nâng cao năng lực chuyên môn, cũng như củng cố đội ngũ nhân sự, máy móc, để luôn sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của các gói thầu. Bên cạnh việc đầu tư vào công nghệ và nhân lực, Công ty cũng chú trọng xây dựng mối quan hệ bền vững với các đối tác. Qua đó, Công ty tạo dựng uy tín và thương hiệu mạnh mẽ tại địa phương.



CÁC RỦI RO



(TIẾP THEO)

➤ RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Nhà nước là chủ thể duy nhất có thẩm quyền ban hành các văn bản pháp luật, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển các dịch vụ công cho xã hội. Hầu hết giá của các dịch vụ trong lĩnh vực tiện ích công cộng được quy định và kiểm soát bởi Nhà nước cùng chính quyền địa phương. Vì vậy, Công ty không thể tự quyết định về giá cả dịch vụ của mình. Ngoài ra, chi phí đầu vào cho nguyên vật liệu, nhân công,... chiếm tỷ trọng lớn và ít có xu hướng giảm. Điều này khiến cho Công ty khá bị động trong việc kiểm soát chi phí và bảo toàn lợi nhuận. Vì vậy, Ban lãnh đạo Công ty đã đưa ra giải pháp là điều chỉnh chính sách, chiến lược kinh doanh và quản lý tài chính hiệu quả để đạt được mục tiêu tăng trưởng được đề ra tại Đại hội đồng Cổ đông.

➤ RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Về vị trí địa lý, Thành phố Bến Tre nằm ở hạ lưu sông Mekong, giáp với biển Đông, gần với cửa sông và có mạng lưới sông ngòi chằng chịt. Điều này khiến Bến Tre trở thành một vùng trũng, dễ bị ảnh hưởng bởi thủy triều biển Đông, đặc biệt là trong mùa khô khi thủy triều đưa mặn vào sâu trong kênh rạch. Do đó, tình trạng xâm nhập mặn ở Bến Tre diễn ra phức tạp và cần có các biện pháp ứng phó hiệu quả. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích, việc tiếp cận nguồn nước là điều kiện tiên quyết cho mọi hoạt động của doanh nghiệp. Nguồn nước được sử dụng không chỉ cho việc tưới cây và duy trì vẻ đẹp của các khuôn viên xanh, mà còn cho việc giữ gìn sự sạch sẽ của các con phố và đáp ứng nhu cầu hàng ngày của đội ngũ nhân viên. Nguồn nước này, được lấy từ các đơn vị cung cấp nước địa phương, phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về chất lượng nước. Tuy nhiên, sự gia tăng của hiện tượng xâm nhập mặn ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt là tại Bến Tre, đã trở thành một thách thức đối với việc bảo đảm nguồn nước sạch. Để đối phó, ban lãnh đạo cần phải tăng cường các chiến dịch nhằm khuyến khích việc sử dụng nước một cách có trách nhiệm và tiết kiệm. Cùng với đó, việc hợp tác với chính quyền địa phương để dự trữ nước ngọt trong những khoảng thời gian thủy triều xuống thấp là cần thiết, nhằm đảm bảo nguồn nước cho quá trình kinh doanh và cuộc sống của nhân viên.

➤ RỦI RO AN TOÀN LAO ĐỘNG

Do đặc thù các dịch vụ mà Công ty cung cấp, các công nhân đa phần phải làm việc ngoài trời, gặp ảnh hưởng của thời tiết và phải thường xuyên tiếp xúc với các phương tiện tham gia giao thông, rác độc hại, và nguy cơ tai nạn cao. Những tác động này không chỉ gây thiệt hại về mặt tinh thần và vật chất cho con người mà còn làm giảm uy tín của Công ty trên thị trường. Vì vậy, Công ty đã đặt chính sách về vệ sinh và an toàn lao động lên hàng đầu. Các công nhân được trang bị đầy đủ trang phục bảo hộ chuyên dùng đạt tiêu chuẩn chất lượng, để đảm bảo vệ sinh và an toàn trong quá trình làm việc. Ngoài ra, các thiết bị, máy móc khác được lựa chọn cẩn thận để tránh các tai nạn lao động trong quá trình làm việc trên cao.



➤ RỦI RO KHÁC

Ngoài những rủi ro kể trên, những rủi ro như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh... tuy hiếm xảy ra nhưng cũng ảnh hưởng đến tình hình hoạt động và sự ổn định của các công ty và toàn xã hội. Có thể thấy đây là những rủi ro có thể bất ngờ xảy ra và không thể loại trừ nguy cơ gây tổn thất đến tính mạng, sức khỏe của con người và tài sản, tình hình hoạt động và sản xuất của công ty. Tuy không thể loại bỏ hoàn toàn những rủi ro trên nhưng có thể đề phòng và giảm thiểu tổn thất bằng cách thường xuyên cập nhật các tin tức: chính trị, thời tiết, xã hội... Đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các quy định, biện pháp cứu nạn, cứu hộ, sơ tán và phòng tránh thiên tai, hỏa hoạn, cháy nổ để chủ động ứng phó, hạn chế thiệt hại về người và tài sản đến mức thấp nhất.





02

Tình hình hoạt động trong năm

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% 2023/2022
1	Doanh thu thuần	78.338.292.716	103.096.032.184	131,60%
2	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7.362.223.350	9.421.561.201	127,97%
3	Lợi nhuận khác	626.594.769	361.100.941	57,63%
4	Lợi nhuận trước thuế	7.988.818.119	9.782.662.142	122,45%
5	Lợi nhuận sau thuế	6.984.590.029	8.539.515.231	122,26%

Trong năm 2023, tình hình hoạt động của Công ty mặc dù gặp nhiều khó khăn và ảnh hưởng từ tình hình kinh tế chung của xã hội, nhưng Ban điều hành Công ty đã có nhiều cố gắng phối hợp chặt chẽ với cấp ủy Đảng và các đoàn thể để tìm mọi biện pháp. Lãnh đạo đơn vị đã thực hiện nhiệm vụ của Công ty và đạt được một số kết quả nhất định, dù vẫn còn mặt hạn chế nhưng tổng thể lợi nhuận của công ty đạt 150,5% so với kế hoạch đó là sự thành công cần được phát huy hơn nữa trong năm 2024.



CƠ CẤU DOANH THU THUẦN

ĐVT: Đồng

Khoản mục	Năm 2022		Năm 2023		% 2023/2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Doanh thu thi công công trình	8.084.887.306	10,02%	21.801.375.201	21,15%	269,66%
Công trình cây xanh	1.434.332.379	1,78%	5.996.442.688	5,82%	418,07%
Công trình duy tu cầu đường	0	0,00%	1.234.269.006	1,20%	-
Công trình vệ sinh đô thị	0	0,00%	462.746.852	0,45%	-
Công trình chiếu sáng	6.161.477.917	7,64%	11.181.834.586	10,85%	181,48%
Công trình khác	489.077.010	0,61%	2.926.082.069	2,84%	598,29%
Doanh thu dịch vụ công ích	72.532.925.998	89,93%	81.230.346.104	78,79%	111,99%
Vệ sinh đô thị	36.041.617.384	44,69%	52.051.866.010	50,49%	144,42%
Công viên cây xanh	21.833.815.381	27,07%	20.440.794.916	19,83%	93,62%
Duy tu cầu đường	8.886.167.070	11,02%	4.765.812.781	4,62%	53,63%
Chiếu sáng công cộng	5.771.326.163	7,16%	3.971.872.397	3,85%	68,82%
Doanh thu khác	35.518.182	0,04%	64.310.879	0,06%	181,06%
Cộng	80.653.331.486	100,00%	103.096.032.184	100,00%	127,83%

Tương tự năm 2022, doanh thu từ thi công công trình và dịch vụ công ích tiếp tục là hai nguồn chính đóng góp vào tổng doanh thu thuần của Công ty trong năm 2023. Bên cạnh đó, Công ty còn có doanh thu khác, cụ thể là các dịch vụ nhỏ lẻ, không thường xuyên, chiếm tỷ trọng rất nhỏ và không đáng kể trong cơ cấu doanh thu thuần. Trong năm 2023, doanh thu thuần từ các mảng hoạt động có phần biến động so với năm 2022, cụ thể:

- Doanh thu từ thi công công trình trong năm 2023 đã tăng vọt lên **2.7 lần** so với năm 2022, từ 8.084.887.306 đồng lên 21.801.375.202 đồng, chiếm 21,15% tổng doanh thu của năm và tăng 269,66% so với năm trước. Sự tăng trưởng này chủ yếu nhờ vào việc Công ty trúng thầu nhiều dự án lớn trong các lĩnh vực như công trình chiếu sáng, công trình cây xanh, và các công trình khác.
- Tỷ trọng doanh thu từ dịch vụ công ích trong tổng doanh thu năm 2023 mặc dù giữ tỷ trọng thấp hơn trong tổng doanh thu so với năm 2022 (78,79%). Tuy nhiên, giá trị doanh thu thực tế từ mảng này vẫn ghi nhận mức tăng mạnh, đạt **111,99%** so với năm trước.
- Doanh thu từ các nguồn khác trong năm 2023 cũng chứng kiến sự tăng trưởng, đạt mức **181,06%** so với năm trước.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Tấn Vũ	Tổng Giám đốc	410.000 (*)	11,389%
2	Lê Văn Vũ	Phó Tổng Giám đốc	51.400	1,427%
3	Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	11.000	0,306%
4	Trần Thị Vân Nghi	Kế toán trưởng	3.800	0,106%

* Bao gồm Số cổ phiếu đại diện sở hữu

THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

- Không có



LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

NGUYỄN TẤN VŨ - Tổng Giám đốc

- Ngày sinh: 09/02/1978
- Nơi sinh: Bến Tre
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 410.000 cổ phiếu, chiếm 11,389% vốn điều lệ
 - » Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 50.000 cổ phiếu, chiếm 1,39% vốn điều lệ
 - » Số cổ phiếu đại diện sở hữu: 360.000 cổ phiếu, chiếm 10% vốn điều lệ (đại diện UBND tỉnh Bến Tre)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

LÊ VĂN VŨ - Phó Tổng Giám đốc

- Ngày sinh: 19/09/1977
- Nơi sinh: Bến Tre
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh, Kỹ sư xây dựng
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 51.400 cổ phiếu, chiếm 1,427% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

NGUYỄN THANH BÌNH - Phó Tổng Giám đốc

- Ngày sinh: 02/03/1976
- Nơi sinh: Bến Tre
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 11.000 cổ phiếu, chiếm 0,306% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

TRẦN THỊ VÂN NGHI - Kế toán trưởng

- Ngày sinh: 11/09/1977
- Nơi sinh: Bến Tre
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, ngành Tài chính - Kế toán các doanh nghiệp
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 3.800 cổ phiếu, chiếm 0,11% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:
 - » Võ Minh Tuấn - Chồng: 1.700 cổ phiếu, chiếm 0,04% vốn điều lệ

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	224	100,00%
1	Trình độ trên đại học	1	0,45%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	39	17,41%
3	Trình độ trung cấp	8	3,57%
4	Công nhân kỹ thuật	40	17,86%
5	Lao động phổ thông	136	60,71%
II	Theo hợp đồng lao động	221 (*)	100,00%
1	Hợp đồng không thời hạn	199	90,05%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	-	-
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	22	9,95%
III	Theo giới tính	224	9,95%
1	Nam	151	67,00%
2	Nữ	73	33,00%

(*) Có 03 lao động không có hợp đồng là Chủ tịch HĐQT, TGĐ và Trưởng BKS

THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
Tổng số lượng người lao động (người)	231	216
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	9.832.000	9.887.000



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



(TIẾP THEO)

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Một trong những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển bền vững của một Công ty đó là ưu tiên phát triển nhân sự. Nhận thức được tầm quan trọng của con người trong tiến trình phát triển doanh nghiệp, BTU ưu tiên phát triển nguồn nhân lực một cách đồng đều, đảm bảo quyền lợi bình đẳng đối với người lao động. Nguồn nhân lực đồng đều, có kỹ năng chuyên môn cao, thành thạo việc là bước đệm cơ bản từng bước nâng cao tiềm lực phát triển của Công ty, đảm bảo hiệu quả công việc nói chung. Việc đảm bảo quyền lợi bình đẳng với người lao động chính là cách thức để công ty phát triển nhân sự bền vững.



VỀ TUYỂN DỤNG

Nhận thức được tầm quan trọng của con người trong mọi hoạt động của doanh nghiệp, BTU đặc biệt chú trọng trong khâu tìm kiếm, sàng lọc và đánh giá người lao động. Theo đó, Công ty thường xuyên tổ chức tuyển dụng nhân sự định kỳ hàng năm. Chương trình tuyển dụng được Công ty triển khai thực hiện theo nguyên tắc minh bạch và khách quan, thông qua quy trình đăng tin tuyển dụng, sàng lọc, kiểm tra và phỏng vấn đánh giá hồ sơ ứng tuyển, đảm bảo bình đẳng cho tất cả các ứng viên tham gia. Toàn bộ nhân sự khi được tuyển dụng đều được thực hiện đầy đủ các bước theo quy trình tuyển dụng đã được Công ty ban hành. Tùy theo từng vị trí cụ thể Công ty sẽ

đề ra những tiêu chuẩn riêng biệt, song tất cả đều phải đáp ứng được các yêu cầu tổng thể như: trình độ chuyên môn cơ bản, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí chuyên biệt quan trọng, yêu cầu tuyển dụng sẽ khắt khe hơn gồm các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học. Công ty còn có các chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các cán bộ công nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân CBCNV lâu dài, mặt khác để thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

VỀ ĐÀO TẠO

Đào tạo nhân sự là một trong những chính sách quan trọng hàng đầu được BTU chú trọng phát triển. Công ty kết hợp xen kẽ nhiều hình thức đào tạo khác nhau theo những lộ trình, định hướng và đối tượng cụ thể khác nhau. Thông thường, nhân sự được chia thành hai nhóm đối tượng, bao gồm: đối tượng nhân sự mới và đối tượng nhân sự nội bộ.

- Chính sách đào tạo nhân sự mới được tổ chức nhằm giúp các nhân viên mới nhanh chóng tiếp cận văn hóa doanh nghiệp, môi trường làm việc cũng như các kỹ năng nghề nghiệp cụ thể, ... Qua đó tìm kiếm, sàng lọc ra những cá nhân có năng lực, đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo tiêu chuẩn, đáp ứng nhu cầu phát triển nhân sự thế hệ mới.
- Riêng đối với chính sách đào tạo nhân sự nội bộ, chính sách này được tập trung tổ chức nhằm nâng cao năng lực, kỹ năng chuyên môn và nhận thức của đội ngũ cán bộ, công nhân viên trong Công ty, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và nâng cao chất lượng dịch vụ của BTU.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



(TIẾP THEO)

MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

Môi trường làm việc là một yếu tố quan trọng không kém tạo nên nét đặc trưng riêng của mỗi doanh nghiệp, là cơ sở để người lao động đánh giá và lựa chọn đồng hành lâu dài cùng doanh nghiệp. Vì vậy, BTU luôn đề ra những mục tiêu rõ ràng về thời gian và điều kiện làm việc, đảm bảo quyền lợi đầy đủ cho người lao động. Ngoài ra, Công ty hướng tới xây dựng môi trường làm việc lành mạnh, ưu tiên sự thoải mái, thân thiện nhưng không kém phần chuyên nghiệp nhằm tạo cho người lao động sự hứng khởi, vui vẻ để bắt đầu công việc, thu hút những người có năng lực làm việc tốt gắn bó với Công ty, là tiền đề để BTU tiến đến mục tiêu hoạt động hiệu quả. Bên cạnh đó, Công ty đề cao các ý kiến đóng góp, các sáng kiến sáng tạo, các giải pháp thiết thực,... của người lao động vì mục tiêu xây dựng và phát triển Công ty; tôn trọng, đảm bảo lợi ích công bằng cho người lao động.

VỀ LƯƠNG, THƯỜNG, PHÚC LỢI VÀ ĐÃI NGỘ

Người lao động được ký kết hợp đồng theo đúng quy định của Pháp luật. Định kỳ hàng tháng, người lao động được nhận tiền lương theo tiêu chuẩn chấm công của Công ty, phù hợp với kết quả lao động đạt được. Bên cạnh đó, tùy theo mức độ công việc khác nhau, người lao động làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại sẽ được bồi dưỡng ăn giữa ca, trang bị đồ bảo hộ đảm bảo an toàn lao động cũng như ưu tiên nhận được khoản thù lao tương xứng với công việc. Chính sách thưởng của Công ty bao gồm: thưởng định kỳ (quý, năm) và thưởng đột xuất. Chính sách thưởng định kỳ được thực hiện vào cuối chu kỳ tài chính, mức thưởng phụ thuộc vào hiệu quả kinh doanh của Công ty và kết quả đóng góp của người lao động nhưng không ít hơn 01 tháng lương. Chính sách thưởng đột xuất được thực hiện kịp thời nhằm tôn vinh những cá nhân, tổ chức có thành tích xuất sắc, có sáng kiến cải tiến kỹ thuật nổi bật, góp phần vào sự phát triển chung của Công ty.





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

ĐVT: Đồng

STT	Tài sản	Mục đích đầu tư	Tổng mức đầu tư
1	Mua xe ép rác 8 tấn đã qua sử dụng	Vận chuyển rác	610.000.000
2	Mua xe ép rác 8 tấn đã qua sử dụng	Vận chuyển rác	810.000.000

Các hạn mục đầu tư đã được quyết toán, đưa vào sử dụng và phát huy được hiệu quả trong năm 2023.





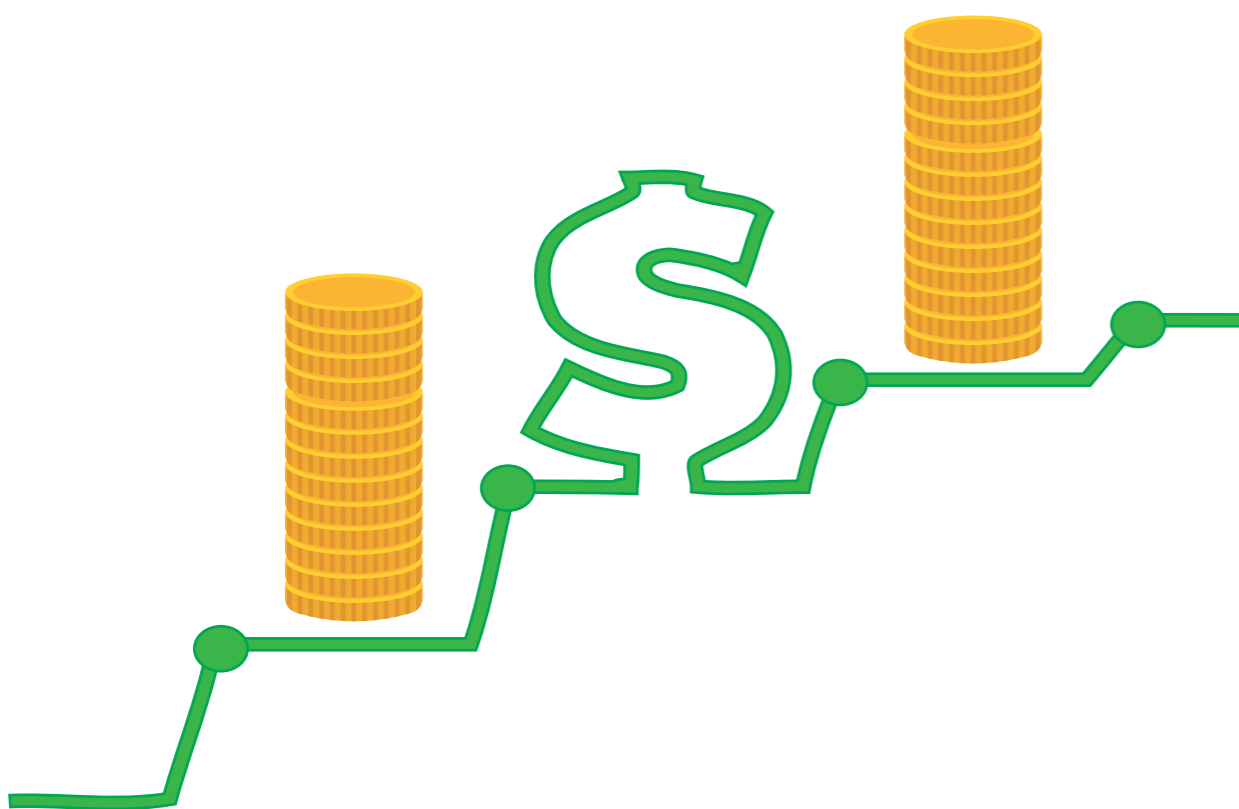
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% 2023/2022
1	Tổng giá trị tài sản	75.643.468.338	88.483.182.255	116,97%
2	Doanh thu thuần	78.338.292.716	103.096.032.184	131,60%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7.362.223.350	9.421.561.201	127,97%
4	Lợi nhuận khác	626.594.769	361.100.941	57,63%
5	Lợi nhuận trước thuế	7.988.818.119	9.782.662.142	122,45%
6	Lợi nhuận sau thuế	6.984.590.029	8.539.515.231	122,26%
7	Tỷ lệ chia cổ tức	10%	Dự kiến 10%	100,00%



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,08	2,56
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,71	2,21
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	27,73%	34,61%
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	38,37%	52,92%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	10,79	8,23
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,06	1,26
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	8,92%	8,28%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	12,78%	14,76%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	9,23%	9,65%
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	9,40%	9,14%



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



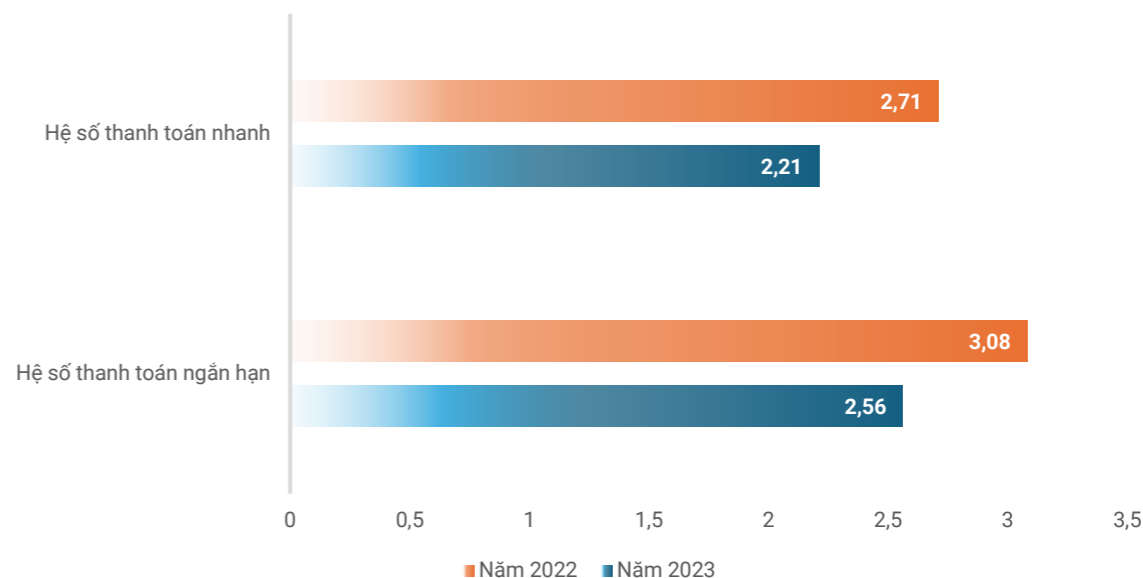
(TIẾP THEO)

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Trong năm 2023, các chỉ số khả năng thanh toán giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, chỉ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 3,08 lần xuống còn **2,56 lần**, và chỉ số thanh toán nhanh từ 2,71 lần xuống **2,21 lần**. Nguyên nhân chính của sự biến động này là vì nợ ngắn hạn năm 2023 tăng lên 46,43% so với cùng kỳ, từ khoản thu dịch vụ vệ sinh và phải nộp ngân sách.

Tuy có sự điều chỉnh tăng nhẹ, nhưng các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty đều duy trì ở mức trên 1, thể hiện khả năng thanh toán tốt đối với các nghĩa vụ nợ ngắn hạn. Đây là một dấu hiệu tích cực, phản ánh sự quản lý tài chính hiệu quả và khả năng duy trì tính thanh khoản trong điều kiện thị trường biến động. Ngoài ra, nó còn đảm bảo rằng công ty có đủ nguồn lực để hỗ trợ hoạt động kinh doanh và đầu tư cho tương lai.

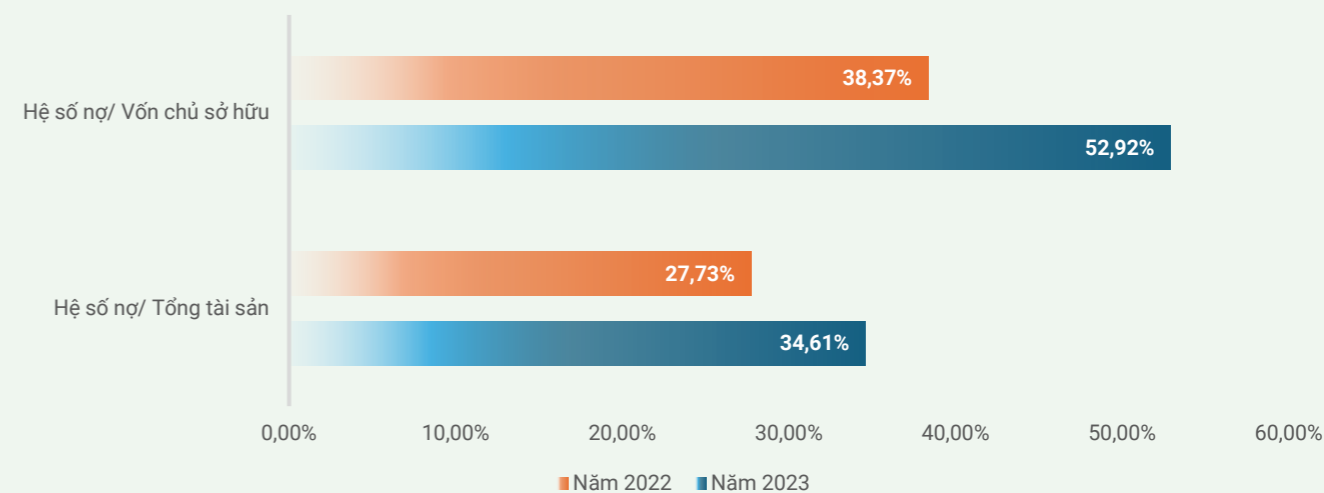
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN



CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Trong năm 2023, hệ số nợ trên tổng tài sản tăng từ 27,73% ở cùng kỳ năm trước lên thành **34,61%**, đến từ việc tổng tài sản của Công ty tăng, chủ yếu ở các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho. Trong đó, các khoản phải thu ngắn hạn đến từ các hợp đồng dịch vụ công ích; vệ sinh đô thị, duy tu cầu đường và chiếu sáng công cộng trên địa bàn Thành phố Bến Tre đã ký với Phòng Quản Lý Đô thị Thành phố Bến Tre. Còn hàng tồn kho chủ yếu là khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đối với các công trình mà Công ty đang thực hiện trong giai đoạn kết thúc năm. Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu năm 2023 tăng từ 38,37% năm 2022 đạt mức **52,92%** trong năm 2023 đến từ việc tăng nợ ngắn hạn. Việc thay đổi trong các chỉ tiêu nêu trên thể hiện một khía cạnh tích cực trong hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2023, với việc thành công trong nhiều gói thầu dịch vụ, công trình.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



(TIẾP THEO)

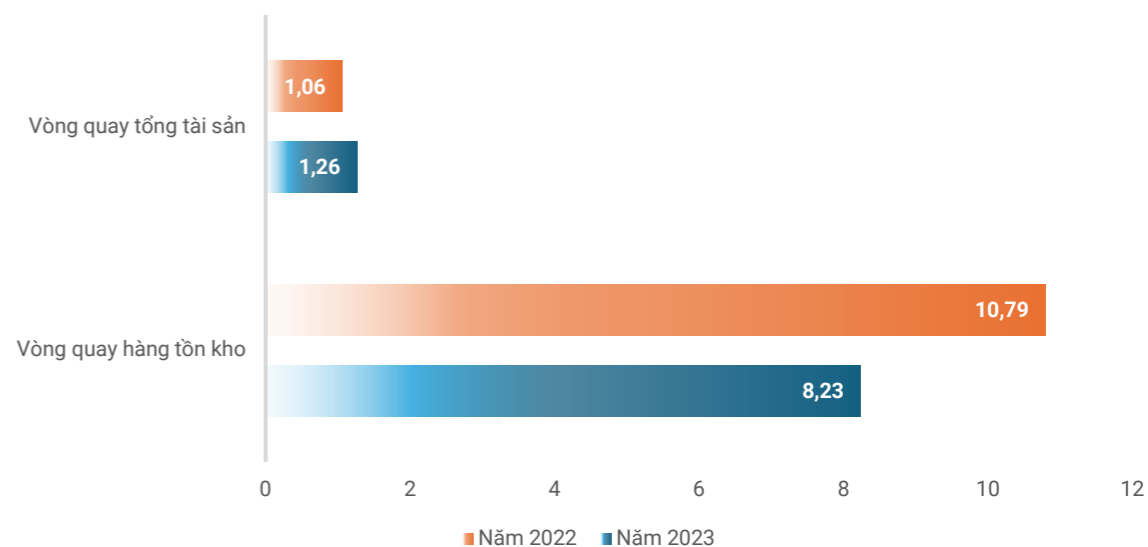
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Nhìn chung, các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty trong năm 2023 vẫn có nhiều chuyển biến tích cực hơn so với năm trước. Cụ thể:

- Vòng quay hàng tồn kho trong năm nay ghi nhận mức **8,23 vòng**, giảm 2,56 vòng cho thấy hoạt động lưu chuyển hàng tồn kho có xu hướng chậm hơn so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chính là bình quân hàng tồn kho của Công ty năm tăng mạnh, 68,59% trong năm 2023 tương đương với 3.795 triệu đồng so với năm 2022, đến từ việc tăng các nguyên vật liệu cho quá trình thực hiện các dự án trong năm.
- Vòng quay tổng tài sản của Công ty tăng nhẹ từ 1,06 vòng lên **1,26 vòng**. Tuy nhiên, do đặc thù ngành công ích nên vòng quay tổng tài sản của Công ty tương đối nhỏ.

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty trong năm nay đang tăng trưởng khá tốt, công tác quản trị hàng tồn kho và bình quân giá vốn hàng bán trong tương lai sẽ tiếp tục cải thiện từ đó giúp cải thiện tốt hơn hệ số vòng quay hàng tồn kho.

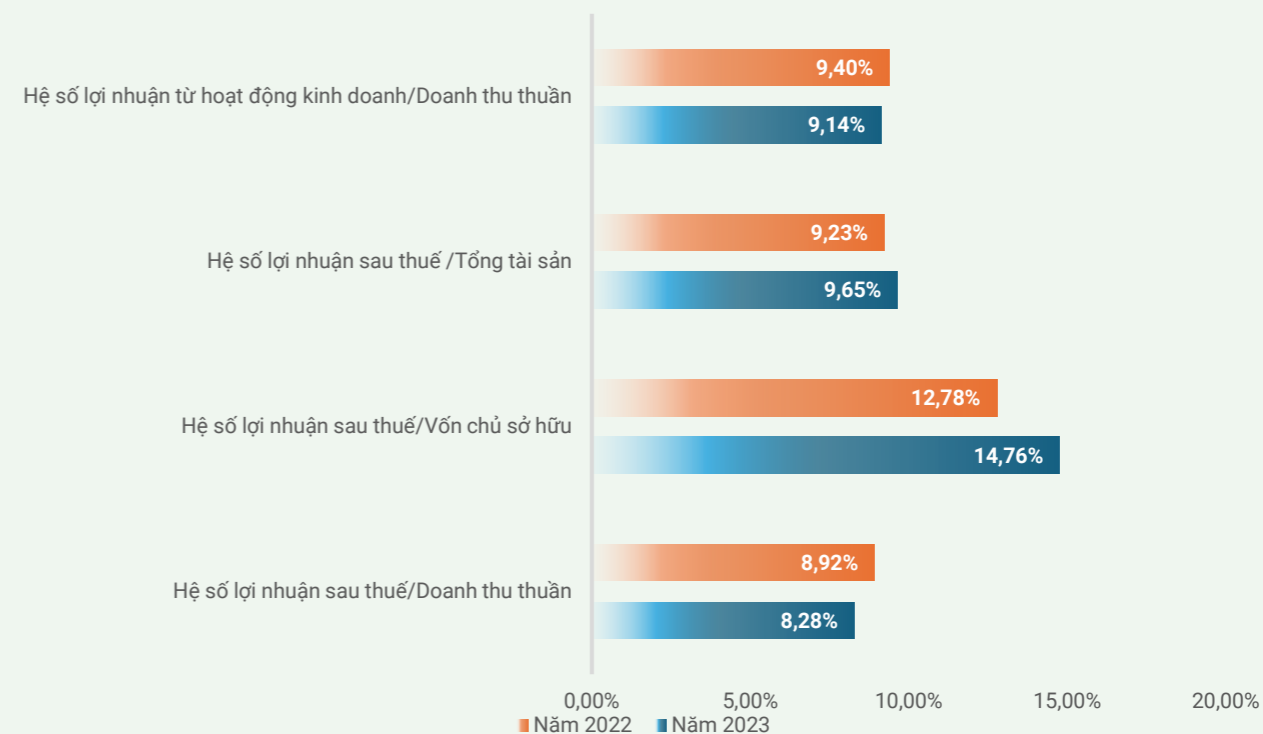
VÒNG QUAY VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



CHỈ TIÊU KHẢ NĂNG SINH LỜI

Trong năm 2023, Lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng 22,26%, từ 6.984.590.029 đồng cùng kỳ năm trước, tăng lên 8.539.515.231 đồng. Ngoài chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần có sự giảm nhẹ do một số chi phí nhỏ phát sinh thì các chỉ tiêu khác đạt sự tăng trưởng trong năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022, như Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu tăng từ 12,78% lên **14,76%**, Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản tăng từ 9,48% lên **9,65%**. Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần giảm nhẹ từ 9,40% xuống còn **9,14%**. Các chỉ số cho thấy dấu hiệu tích cực về việc Công ty đã sử dụng vốn chủ sở hữu một cách hiệu quả hơn để tạo ra lợi nhuận trong bối cảnh biến động của nền kinh tế.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI





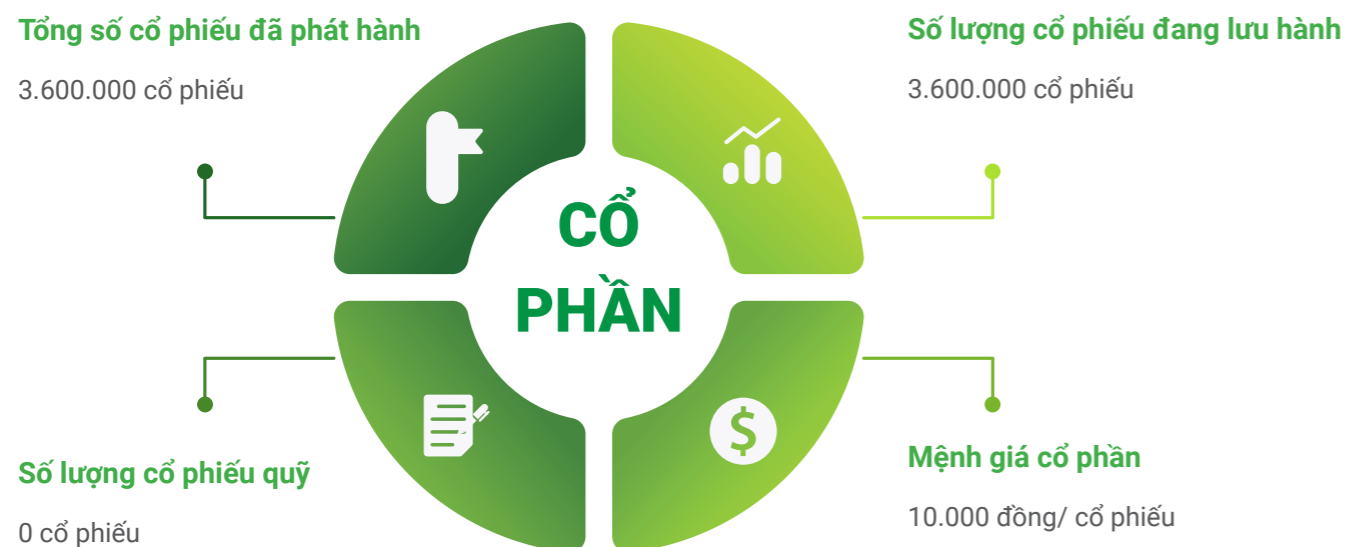
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



CỔ PHẦN

Tổng số cổ phiếu đã phát hành

3.600.000 cổ phiếu



Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

3.600.000 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ

0 cổ phiếu

Mệnh giá cổ phần

10.000 đồng/ cổ phiếu

Cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 128.800 cổ phiếu

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

Các chứng khoán khác: không có

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tại ngày 31/12/2023

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	196	3.599.000	35.990.000.000	99,97%
1	Cổ đông nhà nước	1	2.160.000	21.600.000.000	60,00%
2	Cổ đông tổ chức	2	539.700	5.397.000.000	14,99%
3	Cổ đông cá nhân	193	899.300	8.993.000.000	24,97%
II	Cổ đông nước ngoài	1	1.000	10.000.000	0,04%
1	Cá nhân	-	-	-	-
2	Tổ chức	1	1.000	10.000.000	0,04%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
Tổng cộng		197	3.600.000	36.000.000.000	100,00%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
1	Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre	2.160.000	60,00%
2	Công ty TNHH thương mại và thiết bị môi trường Hiệp Hòa	529.700	14,71%
3	NGUYỄN THANH PHONG	180.000	5,00%

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

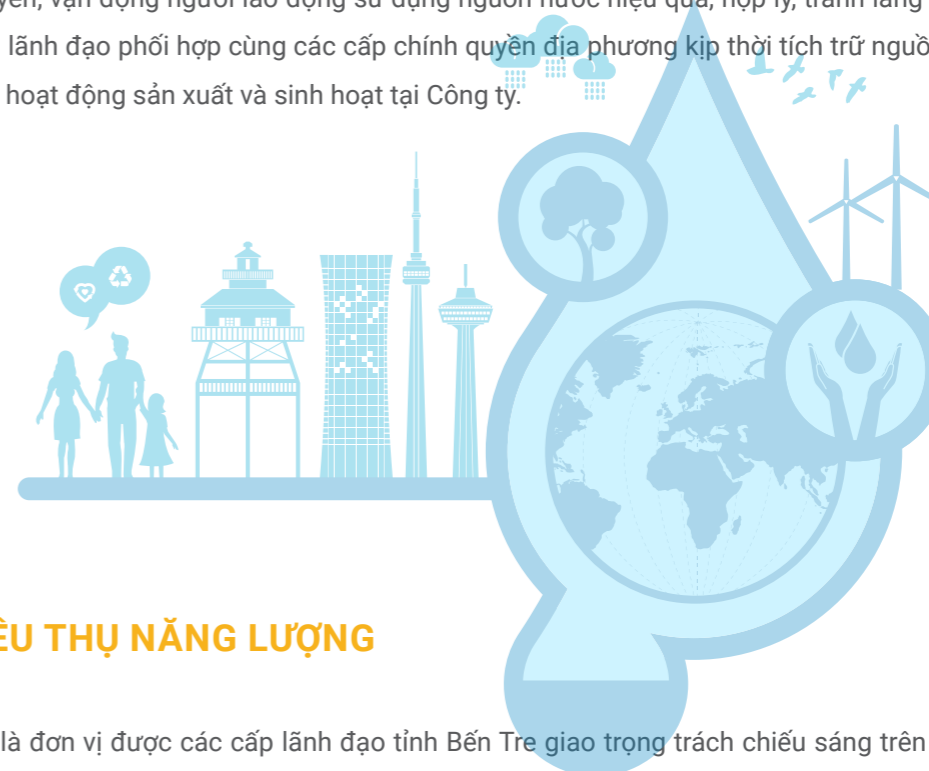
QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN LIỆU



Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích, có gắn bó mật thiết với các hoạt động chăm sóc và bảo vệ môi trường, nguồn nguyên – vật liệu được BTU sử dụng chủ yếu là các công cụ, vật tư phục vụ cho hoạt động vệ sinh môi trường cũng như các hóa chất như phân bón, thuốc trừ sâu phục vụ cho các công tác chăm sóc công viên, cây xanh. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nguyên liệu, Công ty luôn tìm hiểu, khuyến khích người lao động có những sáng kiến nhằm sử dụng hiệu quả nguyên liệu đầu vào, sử dụng tỷ lệ hóa chất tối ưu nhằm tối đa hóa lợi ích của Công ty mà vẫn đảm bảo chất lượng dịch vụ. Bên cạnh đó, Công ty luôn chú ý lựa chọn nguồn cung cấp nguyên vật liệu đáng tin cậy để giảm thiểu rủi ro mua nhầm hàng kém chất lượng, có khả năng gây hại cho môi trường sống và cộng đồng dân cư. Công ty luôn sử dụng nguồn vật liệu theo đúng quy định, đúng chỉ tiêu từng hạng mục công trình, đảm bảo về số lượng và chất lượng.

TIÊU THỤ NƯỚC

Nước là một phần không thể thiếu trong đời sống sinh hoạt cũng như quá trình sản xuất của con người. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích, các hoạt động của Công ty sẽ không thể diễn ra nếu không có nguồn nước hỗ trợ. Nguồn nước được Công ty sử dụng chủ yếu trong các hoạt động tưới tiêu, chăm sóc cây xanh, vệ sinh đường phố cũng như phục vụ các hoạt động thường ngày của người lao động. Nguồn nước này được cung cấp từ các Công ty cấp thoát nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre, đảm bảo tiêu chuẩn nguồn nước theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, thực trạng xâm nhập mặn những năm trở lại đây ở miền Tây Nam Bộ nói chung, trong đó có tỉnh Bến Tre nói riêng là một trong những rào cản ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước sạch, tác động trực tiếp đến các hoạt động của Công ty. Những hạn chế nói trên là động lực thúc đẩy Ban lãnh đạo Công ty nâng cao công tác tuyên truyền, vận động người lao động sử dụng nguồn nước hiệu quả, hợp lý, tránh lãng phí nguồn nước. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo phối hợp cùng các cấp chính quyền địa phương kịp thời tích trữ nguồn nước ngọt khi triều thấp phục vụ hoạt động sản xuất và sinh hoạt tại Công ty.



TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

BTU vinh dự là đơn vị được các cấp lãnh đạo tỉnh Bến Tre giao trọng trách chiếu sáng trên toàn thành phố. Bên cạnh việc đảm bảo nguồn chiếu sáng công cộng phục vụ cho đời sống sinh hoạt cũng như mỹ quan đô thị toàn thành phố, Công ty cũng ưu tiên trong việc tiết kiệm điện năng, tính toán thời gian chiếu sáng phù hợp. Theo đó, Công ty đã triển khai nhiều giải pháp thiết thực như tăng cường kiểm tra lưới điện, đo đặc máy biến thế chống rò rỉ điện, sử dụng đồng hồ thời gian hiệu quả để điều chỉnh giờ bật. Thay thế các bóng đèn hiệu suất thấp, công nghệ lạc hậu bằng đèn Compact, đèn LED với tỷ lệ tiết kiệm điện năng so với đèn thế hệ cũ có thể đạt từ 40 - 70%, trong khi đó, cường độ ánh sáng được phân phối đồng đều trên suốt tuyến chiếu sáng, giúp tăng tuổi thọ cho bóng đèn và chấn lưu.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN

ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



(TIẾP THEO)



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng lao động hiện tại của Công ty là: **224** người

Mức thu nhập trung bình: **9,88** triệu đồng/ người/ tháng.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- » Công ty luôn cam kết đóng Bảo hiểm cho người lao động đầy đủ theo quy định Luật Lao động hiện hành như Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, ... Tổ chức thăm khám sức khỏe định kỳ cho người lao động tại các cơ sở y tế uy tín chất lượng cao; Thăm hỏi nhân viên, người nhà nhân viên ốm đau, nằm viện, hiếu hỷ; Hoạt động Khuyến học đối với gia đình người lao động có con em đạt thành tích xuất sắc ở trường,...

Hoạt động đào tạo người lao động:

- » BTU hiểu rõ con người là chủ thể trong quá trình hội nhập và phát triển của nhân loại nên Công ty đặc biệt chú trọng tới vấn đề đào tạo nguồn nhân lực. Công ty thường xuyên cử cán bộ, công nhân viên đi học các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ theo từng lĩnh vực chuyên sâu nhằm mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên có năng lực cao, phục vụ tiến trình hoạt động và phát triển của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên tham gia vào lớp học quản lý hệ thống chất lượng ISO 9001:2015 nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng đúng theo quy định. Chính sách đào tạo của Công ty phải đảm bảo nguyên tắc nguồn lực ổn định và lâu dài đảm bảo cân đối giữa gián tiếp và trực tiếp.



TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Quá trình đô thị hoá tương đối nhanh đã có những ảnh hưởng đáng kể đến môi trường và tài nguyên thiên nhiên, đến cân bằng sinh thái: tài nguyên đất bị khai thác triệt để để xây dựng đô thị, làm giảm diện tích cây xanh và mặt nước, gây ra úng ngập, cùng với nhu cầu nước phục vụ sinh hoạt, dịch vụ, sản xuất ngày càng tăng làm suy thoái nguồn tài nguyên nước. Bên cạnh đó, rác thải sinh hoạt từ các hộ dân và nhà máy sản xuất cũng ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích, có gắn bó chặt chẽ đến vệ sinh môi trường, BTU nhận thức được vai trò của mình trong việc duy trì nguồn xanh của cộng đồng. Theo đó, Công ty cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến việc bảo vệ môi trường; nâng cao ý thức người lao động; giảm thiểu mùi hôi trong công tác thu gom và xử lý rác thải.



TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Mối quan hệ giữa doanh nghiệp và địa phương là yếu tố quan trọng hàng đầu được BTU đặc biệt quan tâm. Trong năm 2023, Ban lãnh đạo Công ty tiếp tục phối hợp với các cấp chính quyền địa phương đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền đến người lao động cũng như người dân trên địa bàn tỉnh Bến Tre: về ý thức bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh nơi công cộng, ... Ngoài ra, Công ty vẫn luôn duy trì các hoạt động ủng hộ Hội khuyến học tỉnh, hỗ trợ các trung tâm, các trường học dành cho người khuyết tật, trao quà cho các hộ nghèo, các cá nhân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

* Doanh nghiệp không có hoạt động thị trường vốn xanh.





03

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2022	KH 2023	TH 2023	% TH2023/ KH2023	% TH2023/ TH2022
Tổng tài sản	Triệu đồng	75.643	-	88.483	-	116,97%
Vốn điều lệ	Triệu đồng	36.000	36.000	36.000	100	100,00%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	78.338	77.000	103.096	133,89%	131,60%
Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu đồng	7.362	-	9.422	-	127,98%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	627	-	361	-	57,58%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	7.989	6.500	9.783	150,51%	122,46%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	6.985	5.655	8.540	151,02%	122,26%
Tỷ lệ cổ tức	%	10%	8%	10%	125,00%	100,00%



THUẬN LỢI

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm, chia sẻ của Chủ sở hữu vốn nhà nước, các Sở Ngành về chuyên môn và Đảng ủy Khối Cơ quan - Doanh nghiệp tỉnh (ĐUKCQ-DN) về công tác Đảng, qua đó đã động viên tập thể cán bộ, đảng viên và CNVC-LĐ toàn Đảng bộ hoàn thành tốt các nhiệm vụ.
- Sự quyết tâm, nhạy bén trong lãnh đạo, điều hành của Ban lãnh đạo, sự năng nổ, nhiệt tình, chia sẻ của đội ngũ CNVC-LĐ là yếu tố góp phần giúp Công ty từng bước vượt qua khó khăn, thách thức, qua đó duy trì, ổn định hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- Tập thể Ban lãnh đạo luôn đoàn kết, thống nhất, phát huy tính kế thừa, “đồng thuận - sáng tạo” và linh hoạt trong xử lý các tình huống mới do thay đổi cơ chế, chính sách, đồng thời tích cực quan hệ để tìm kiếm đối tác mới, thị trường tiềm năng song song với việc giữ vững thị trường truyền thống.

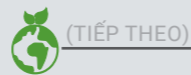


KHÓ KHĂN

- Sự cố môi trường tại bãi rác An Hiệp - Ba Tri là tình huống khẩn cấp, bãi rác An Hiệp phải tạm ngưng tiếp nhận rác để khắc phục sự cố môi trường. Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre từ ngày 15/07/2023 đến 09/10/2023 tại Công văn số 4340a/UBND-TCĐT ngày 19/7/2023 Công ty đã 2 lần tạm lưu rác tại các trạm trung chuyển, các điểm tập kết rác và sau đó vận chuyển về Nhà máy xử lý rác tại xã Hữu Định huyện Châu Thành xử lý tạm thời để giải quyết lượng rác thải tồn đọng trên địa bàn thành phố Bến Tre và huyện Châu Thành trong thời gian tạm ngưng chuyển rác về Bãi rác An Hiệp huyện Ba Tri với tổng kinh phí phát sinh khoản 6,4 tỷ đồng nhưng chưa được thanh quyết toán.
- Công tác thu gom, vận chuyển rác tại một số địa phương vẫn còn nhiều khó khăn, bất cập do chưa có điểm tập kết rác phù hợp, ý thức người dân chưa cao còn vức rác bừa bãi kg đúng nơi, giờ quy định, luôn phát sinh một số điểm tập kết rác không đúng qui định gây ô nhiễm môi trường; Công tác thu dịch vụ vệ sinh cũng còn nhiều khó khăn do một số hộ dân, chủ nguồn thải chưa chấp nhận thanh toán giá dịch vụ theo Quyết định số 31/QĐ-UBND, mỗi địa phương có phương thức hợp đồng khác nhau làm ảnh hưởng đến vấn đề thanh toán, thu hồi công nợ đối với dịch vụ vệ sinh môi trường.
- Tăng chi phí do tính đóng các khoản bảo hiểm cho người lao động dựa trên tổng thu nhập thường xuyên và điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng.
- Tỷ lệ giảm giá dự thầu các dịch vụ công rất cao, trong khi khối lượng thực hiện tăng rất nhiều, cạnh tranh trong đấu thầu không lành mạnh.
- Các quy định của Luật Doanh nghiệp, Bộ luật Lao động ... chưa cụ thể giữa doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước và doanh nghiệp cổ phần có vốn nhà nước chi phối nên rất khó thực hiện, việc lãnh đạo, điều hành chung của đơn vị kém linh hoạt, chông chéo.
- Khoản nợ phải thu của Nhà máy xử lý rác đến nay là 10.164,5 triệu đồng tương đương 28,23% vốn điều lệ, trong đó lập dự phòng phải thu khó đòi đến ngày 31/12/2023 là 6.811,193 triệu đồng; sau khi Công ty Cổ phần Xử lý rác thải Bến Tre tái cơ cấu theo Công văn số 4373/UBND-TCĐT ngày 21/7/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre, Công ty đã có văn bản gửi nhà đầu tư là Công ty Cổ phần Tập đoàn Amaccao đề nghị xác nhận kế thừa nghĩa vụ tài chính nhưng đến nay chưa có kết quả.
- Trước tình hình khó khăn nêu trên, Ban điều hành Công ty có những chỉ đạo sáng suốt kịp thời vừa quyết liệt vừa linh hoạt, bám sát chủ trương định hướng của Tổng Công ty, của HĐQT Công ty, nỗ lực tìm mọi biện pháp để vượt qua khó khăn thách thức cùng toàn thể CBCNV-NLĐ phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Công ty không ngừng cải thiện và xây dựng các chính sách đào tạo đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, có khả năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc; đồng thời các quy định về an toàn trong công tác vận hành, thi công tại Công ty luôn được thực hiện nghiêm chỉnh. Bên cạnh đó, Công ty cũng trang bị, kiểm tra và tổ chức đầy đủ các buổi tập huấn cho cán bộ công nhân viên trong Công ty cũng như khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty. Công ty hướng tới mở rộng địa bàn kinh doanh ra các khu vực lân cận, tập trung vào khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long. Thêm vào đó, bộ máy quản lý Công ty cũng được tinh gọn, lực lượng lao động được sắp xếp phù hợp với nhu cầu công việc của từng bộ phận, từng phòng ban. Ngoài ra, Công ty luôn cố gắng giải quyết kịp thời, nhanh chóng và đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động theo quy định của Nhà nước.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	TH 2023/ TH 2022	Tỷ trọng năm 2022	Tỷ trọng năm 2023
Tài sản ngắn hạn	64.412.942.183	78.487.560.187	121,85%	85,15%	88,70%
Tài sản dài hạn	11.230.526.155	9.995.622.068	89,00%	14,85%	11,30%
Tổng tài sản	75.643.468.338	88.483.182.255	116,97%	100,00%	100,00%

Trong năm 2023, giá trị tài sản và cơ cấu tài sản của Công ty đều có những biến động đáng kể. Tổng tài sản trong năm đạt 88.483 triệu đồng, tăng 16,97%, tương ứng tăng khoảng 12.893 triệu đồng. Trong đó:

- **Tài sản ngắn hạn** chiếm phần lớn trong cơ cấu tài sản khi chiếm tới **88,70%**, đạt 78.487 triệu đồng năm 2023. Tài sản ngắn hạn ghi nhận mức tăng đáng kể khoảng 14.075 triệu đồng, tương ứng tăng 21,85% so với tỷ lệ tài sản ngắn hạn năm 2022. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc tăng trong mục các khoản phải thu ngắn hạn, và hàng tồn kho.
- **Đối với tài sản dài hạn** trong năm 2023 đạt 9.995 triệu đồng, chiếm **11,30%** trong cơ cấu tài sản. Tài sản dài hạn giảm khoảng 1.234 triệu đồng, tương ứng với mức giảm 11%, chủ yếu do tài sản cố định hữu hình giảm 1.142 triệu đồng. Điều này liên quan đến việc giá trị hao mòn lũy kế trong năm tăng 2.433 triệu đồng, tương ứng tăng 11,68% so với 2022.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	TH 2023/ TH 2022	Tỷ trọng năm 2022	Tỷ trọng năm 2023
Tổng nợ phải trả	20.976.270.867	30.620.987.430	145,98%	27,73%	34,61%
Nợ ngắn hạn	20.911.725.412	30.620.987.430	146,43%	27,65%	34,61%
Nợ dài hạn	64.545.455	-	-	0,09%	-
Nguồn vốn chủ sở hữu	54.667.197.471	57.862.194.825	105,84%	72,27%	65,39%
Tổng nguồn vốn	75.643.468.338	88.483.182.255	116,97%	100,00%	100,00%

Nhìn chung, trong năm 2023 tổng nguồn vốn của công ty tăng đáng kể so với năm 2022, chủ yếu là tăng trong nợ ngắn hạn. Đối với tổng nợ, công ty đảm bảo nguồn vốn để thực hiện nghĩa vụ tài chính chính của mình.

- Tại ngày 31/12/2023, nợ ngắn hạn của Công ty tăng 46,43% do tăng mạnh trong phải trả ngắn hạn khác (từ 201.383.136 đồng lên thành 9.966.007.061 đồng) và dự phòng phải trả ngắn hạn (từ 1.876.933.422 đồng lên thành 7.129.393.978 đồng) vào cuối năm 2023. Ngoài ra, nợ dài hạn giảm về 0 đồng do Công ty thực hiện chi trả khoản vốn Ngân sách nhà nước tài trợ cho Công ty theo Quyết định số 72/QĐ-STC ngày 05/10/2017 về việc mua sắm TSCĐ chuyên dụng cụ thể: Mua 02 xe ép rác 6m3 phục vụ công ích đô thị, khoản vốn Ngân sách cấp ban đầu là 1.814.545.455 đồng. Khoản vốn Ngân sách cấp này được Công ty trả dần trong 8 năm – năm 2023 là năm thứ 7 Công ty thực hiện chi trả, nguồn vốn chủ sở hữu tăng do khoản lợi nhuận giữ lại.
- Xét về cơ cấu nguồn vốn, vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nguồn vốn. Tỷ trọng này có sự dịch chuyển nhẹ tại ngày 31/12/2023 so với cùng kỳ năm 2022, nhưng không ảnh hưởng quá nhiều đến cơ cấu nguồn vốn. Do đặc thù tính chất hoạt động, nên Công ty hạn chế sử dụng nguồn vốn vay từ ngân hàng để hạn chế những khoản chi phí tài chính khi thời gian quyết toán chi phí sau thực hiện các công trình bị kéo dài.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ

CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Hiện tại Công ty áp dụng việc quản trị công ty theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, tuân thủ quy định của pháp luật về Công ty Đại chúng. Để tăng cường kế hoạch quản trị công ty, Công ty triển khai xây dựng các quy chế quản trị Công ty phù hợp với các quy định cho Công ty đại chúng và Điều lệ Công ty ban hành. Các quy định nhằm mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, người lao động, đảm bảo cơ cấu quản trị chất lượng, hiệu quả.
- Có chính sách đãi ngộ đối với người lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm thu hút nhân tài bên ngoài và giữ nguồn nhân lực nòng cốt hiện có, giúp người lao động an tâm, tin tưởng và gắn bó ổn định với Công ty. Ngoài ra, Công ty thực thi các quy chế quản trị, nội quy lao động, có cơ chế thưởng phạt nghiêm minh, thiết lập tổ chức hoạt động Công ty ngày càng chặt chẽ, lành mạnh.
- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, các tổ chức đoàn thể nhằm tạo sự đồng thuận trong điều hành lãnh đạo được đồng bộ hiệu quả.
- Tập trung sắp xếp củng cố bộ máy quản lý để thực hiện nhiệm vụ phát triển của Công ty. Mạnh dạn luân chuyển, điều động cán bộ quản lý nhằm đổi mới cơ chế quản lý theo hướng tăng cường sự chủ động tích cực trong tổ chức nhằm tạo ra năng suất, chất lượng cao đem lại hiệu quả và lợi nhuận cho Công ty.
- Không ngừng áp dụng các biện pháp cải tiến và hoàn thiện công tác tổ chức, hoạt động của các Phòng, Ban, Đội nâng cao hiệu quả của từng bộ phận, từng cá nhân như sắp xếp bộ máy, bố trí nhân sự phù hợp, hằng năm có kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ người lao động của Công ty.
- Có chính sách khen thưởng kịp thời những sáng kiến làm tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.





KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024
Tổng tài sản	Đồng	88.483.182.255	-
Vốn điều lệ	Đồng	36.000.000.000	36.000.000.000
Doanh thu thuần	Đồng	103.096.032.184	90.000.000.000
Lợi nhuận từ HĐKD	Đồng	9.421.561.201	-
Lợi nhuận khác	Đồng	361.100.941	-
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	9.782.662.142	8.400.000.000
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	8.539.515.231	7.310.000.000
Tỷ lệ cổ tức	%	10%	8%



GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2024

CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH, TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- Công ty tiếp tục củng cố nâng cao năng lực cạnh tranh về nhân sự quản lý, lao động có tay nghề, máy móc thiết bị ... đảm bảo đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu.
- Ưu tiên tập trung các nguồn lực (tài chính, con người), đầu tư mua sắm các thiết bị, phương tiện chuyên dùng để nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ công ích đồng thời mở rộng hoạt động thi công xây dựng dân dụng và các hoạt động sản xuất kinh doanh khác.
- Tiếp tục cải thiện mô hình quản trị doanh nghiệp, sửa đổi bổ sung các nội quy, quy chế ... nhằm thực hiện các quy định mới (nếu có) và thích ứng tình hình mới, sắp xếp lại bộ máy nhân sự theo hướng thu hẹp hoạt động, nâng cao nhận thức về công tác quản lý cho các bộ phận chuyên môn mang lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạch định chiến lược kinh doanh.
- Chủ động tìm kiếm các đối tác, khách hàng mới, mở rộng địa bàn hoạt động trong và ngoài tỉnh, đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh; hoàn thành những đơn đặt hàng và hợp đồng với các Chủ đầu tư đảm bảo chất lượng sản phẩm và thời gian theo quy định.
- Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên đúng theo quy định; liên hệ tìm kiếm đối tác, cân đối nguồn lực, nghiên cứu đề xuất phương án tiếp nhận và đầu tư hoàn thiện Nhà máy xử lý rác đồng thời với các giải pháp cụ thể nhằm đôn đốc thu hồi nợ và giải quyết những vấn đề có liên quan khi Công ty cổ phần xử lý Rác Bến Tre chính thức kết thúc hoạt động.

CÔNG TÁC TÀI CHÍNH

- Ghi nhận và hạch toán báo cáo tài chính rõ ràng, minh bạch và đúng quy định; Thực hiện cân đối, hợp nhất báo cáo tài chính phù hợp với tình hình và yêu cầu thực tế tại Công ty; tiếp tục khai thác và sử dụng phần mềm quản lý vệ sinh môi trường trong việc tăng cường công tác quản lý bộ thu dịch vụ vệ sinh ngày càng hiệu quả đồng thời với việc sử dụng hóa đơn điện tử đúng quy định.

CÔNG TÁC NHÂN SỰ

- Rà soát, sắp xếp, tuyển dụng, bố trí lại lực lượng lao động nhằm thực hiện tốt và hiệu quả hơn công tác dịch vụ công ích, thu dịch vụ vệ sinh, đồng thời tiếp tục rà soát điều chỉnh, bổ sung các nội quy, quy chế nhằm hướng tới mục tiêu thực hiện đúng quy định hiện hành, phù hợp tình hình và yêu cầu thực tế tại công ty, tạo động lực cho người lao động nâng cao năng suất lao động và yên tâm công tác.
- Nâng cao năng lực quản lý kinh doanh, đổi mới phương thức quản lý, xây dựng đội ngũ CNVC-LĐ ngày càng chuyên nghiệp, trách nhiệm, ngang tầm với nhiệm vụ của công ty.
- Tăng cường, khuyến khích, tạo điều kiện về thời gian cho CNVC-LĐ tham gia các lớp tập huấn, đào tạo, nâng cao trình độ, tay nghề, kỹ năng làm việc nhằm đáp ứng yêu cầu về nguồn lực trong điều kiện sản xuất kinh doanh ngày càng khó khăn phải cạnh tranh theo cơ chế thị trường.





KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



(TIẾP THEO)

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2024

STT	Dự án	ĐVT	Tổng mức đầu tư
1	Mua sắm 02 xe chuyên dùng vận chuyển rác tải trọng 14m ³	Tỷ đồng	4,437
2	Mua sắm 01 xe chuyên dùng vận chuyển rác tải trọng 14m ³	Tỷ đồng	2,6
3	Mua sắm 01 xe tải cầu có chiều dài cầu lên đến 12m	Tỷ đồng	1,6
4	Mua sắm 01 xe ô tô 7 chỗ ngồi	Tỷ đồng	0,95
Tổng cộng		Tỷ đồng	9,587





04

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023
1	Tổng tài sản	Triệu đồng	75.643	88.483
2	Nợ phải trả	Triệu đồng	20.976	30.621
3	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	54.667	57.862
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	6.985	8.540
5	Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	9,23%	9,65%
6	Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	12,78%	14,77%
7	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	38,37%	52,92%

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Nhìn chung năm 2023 là một năm hết sức khó khăn, thách thức cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Với chi phí đầu vào tăng cao như giá nguyên nhiên vật liệu, năng lượng, tiền lương công nhân,... nhưng giá bán sản phẩm tăng không nhiều, thậm chí có những dịch vụ phải giảm giá để bán được dịch vụ. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh của các doanh nghiệp dịch vụ cùng ngành nghề ngày càng gay gắt. Vì vậy, công ty vừa phải phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra năm 2023 vừa phải đảm bảo sức khỏe, việc làm, thu nhập, đời sống cho CBCNVLĐ.
- Với tinh thần trách nhiệm, quyết tâm cao cùng với sự quản lý điều hành nhạy bén, năng động và quyết đoán của Ban Tổng giám đốc, kết hợp với sự thống nhất, nỗ lực, quyết tâm vì mục tiêu chung của toàn thể CBCNVLĐ nên năm 2023 mặc dù có nhiều khó khăn nhưng Công ty đã hoàn thành 100% lợi nhuận mà Đại hội đồng cổ đông năm 2023 giao, đây là thành quả của sự cố gắng của tập thể Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV trong Công ty cần được phát huy hơn nữa trong năm 2024.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

(TIẾP THEO)

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị (HĐQT) đánh giá cao những nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc và các cấp quản lý điều hành trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2023. Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt vai trò của mình thể hiện qua các giải pháp điều hành kịp thời, linh hoạt, phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT. Các chủ trương, chỉ đạo mà HĐQT đưa ra cũng được Ban điều hành triển khai đầy đủ, kịp thời và báo cáo chi tiết kết quả thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao. Hội đồng Quản trị tin tưởng với các giải pháp chắc chắn, linh hoạt trong công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc sẽ góp phần gia tăng sự ổn định trong hoạt động sản xuất, từng bước phục hồi và cải thiện tình hình hoạt động trong năm tới. Trong năm 2023, HĐQT đã thực hiện các hoạt động giám sát như:

- 01 HĐQT thường xuyên thực hiện công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban, Đội, các công trình trực thuộc Công ty, triển khai thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của HĐQT, đảm bảo hài hoà quyền lợi của Cổ đông và Công ty.
- 02 Các cuộc họp HĐQT đều có mời Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát tham gia để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tham gia đóng góp ý kiến chỉ đạo kịp thời; Chỉ đạo triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.
- 03 Chỉ đạo công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
- 04 Giám sát công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của Ban Tổng Giám đốc theo đúng Nghị quyết Đại hội cổ đông và HĐQT.
- 05 Kiểm tra thực hiện điều lệ, các quy chế, quy định nội bộ, chỉ đạo sửa đổi bổ sung kịp thời phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình hoạt động của Công ty



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

(TIẾP THEO)

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2024, HĐQT sẽ tập trung đẩy mạnh chỉ đạo một số hoạt động của Công ty như sau:

- ✓ Phối hợp cùng Ban Tổng Giám đốc đưa ra các chỉ đạo trong quá trình hoạt động kinh doanh, nỗ lực hoàn thành kế hoạch năm 2024, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ của Công ty góp phần vào sự phát triển chung của tỉnh Bến Tre.
- ✓ Xác định hoạt động công ích là nhiệm vụ chính trị then chốt, hàng đầu, do đó Công ty tiếp tục nâng cao chất lượng và quy mô dịch vụ, trong đó chú trọng nhiều biện pháp thực hiện đồng bộ. Mở rộng sản xuất kinh doanh theo ngành nghề đã đăng ký kinh doanh nhằm tối đa hoá lợi nhuận cho doanh nghiệp. Xây dựng chương trình, kế hoạch quảng bá tiếp thị những dịch vụ hiện có của Công ty, phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ ngày càng đáp ứng nhu cầu thị trường với giá cả phù hợp đảm bảo cạnh tranh.
- ✓ Tích cực tạo dựng hình ảnh, vị thế nhằm thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư, khách hàng về Công ty và sản phẩm dịch vụ của Công ty khi tham gia đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán.



Bên cạnh đó, HĐQT còn đưa ra các phương án nhằm tăng cường quản trị công ty như:

- 💡 Hiện tại Công ty áp dụng việc quản trị công ty theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, tuân thủ quy định của pháp luật về Công ty Đại chúng. Để tăng cường kế hoạch quản trị công ty, Công ty triển khai xây dựng các quy chế quản trị Công ty phù hợp với các quy định cho Công ty đại chúng và Điều lệ Công ty ban hành. Các quy định nhằm mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, người lao động, đảm bảo cơ cấu quản trị chất lượng, hiệu quả.
- 💡 Có chính sách đãi ngộ đối với người lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm thu hút nhân tài bên ngoài và giữ nguồn nhân lực nòng cốt hiện có, giúp người lao động an tâm, tin tưởng và gắn bó ổn định với Công ty. Ngoài ra, Công ty thực thi các quy chế quản trị, nội quy lao động, có cơ chế thưởng phạt nghiêm minh, thiết lập tổ chức hoạt động Công ty ngày càng chặt chẽ, lành mạnh.
- 💡 Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, các tổ chức đoàn thể nhằm tạo sự đồng thuận trong điều hành lãnh đạo được đồng bộ hiệu quả.
- 💡 Tập trung sắp xếp củng cố bộ máy quản lý để thực hiện nhiệm vụ phát triển của Công ty. Mạnh dạn luân chuyển, điều động cán bộ quản lý nhằm đổi mới cơ chế quản lý theo hướng tăng cường sự chủ động tích cực trong tổ chức nhằm tạo ra năng suất, chất lượng cao đem lại hiệu quả và lợi nhuận cho Công ty.
- 💡 Không ngừng áp dụng các biện pháp cải tiến và hoàn thiện công tác tổ chức, hoạt động của các Phòng, Ban, Đội nâng cao hiệu quả của từng bộ phận, từng cá nhân như sắp xếp bộ máy, bố trí nhân sự phù hợp, hằng năm có kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ người lao động của Công ty. Có chính sách khen thưởng kịp thời những sáng kiến làm tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.



05

Quản trị Công ty

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát và Ban điều hành

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty



THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số CP sở hữu & đại diện sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Ngọc Triệu	Chủ tịch HĐQT	1.800.000	50,00%	Trong đó đại diện UBND tỉnh Bến Tre là 50,00%
2	Ông Nguyễn Tấn Vũ	Thành viên HĐQT	410.000	11,389%	Trong đó đại diện UBND tỉnh Bến Tre là 10,00%
3	Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên HĐQT	180.000	5,00%	-
4	Ông Đào Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	529.700	14,71%	-

LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGUYỄN NGỌC TRIỆU - Chủ tịch HĐQT

- Ngày sinh: 28/04/1964
- Nơi sinh: Bến Tre
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Quản lý Kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 1.800.000 cổ phiếu, chiếm 50,00% vốn điều lệ.
 - » Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: Không có
 - » Số cổ phiếu đại diện sở hữu: 1.800.000 cổ phiếu, chiếm 50,00% vốn điều lệ. (đại diện UBND tỉnh Bến Tre)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:
 - » Nguyễn Ngọc Mai Quỳnh – Con ruột: 20.000 cổ phiếu, chiếm 0,55% VDL.

NGUYỄN THANH PHONG - Thành viên HĐQT

- Ngày sinh: 09/03/1966
- Nơi sinh: Bến Tre
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Giám đốc công ty TNHH MTV Phúc Thịnh.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 180.000 cổ phiếu, chiếm 5,00% vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

ĐÀO MẠNH HÙNG - Thành viên HĐQT

- Ngày sinh: 10/11/1955
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH Ô tô chuyên dùng Hiệp Hoà.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 529.700 cổ phiếu, chiếm 14,71% vốn điều lệ.
 - » Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: Không có
 - » Số cổ phiếu đại diện sở hữu: 529.700 cổ phiếu, chiếm 14,71% vốn điều lệ (đại diện Công ty TNHH Ô tô chuyên dùng Hiệp Hoà).
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

- » Lý lịch Ông Nguyễn Tấn Vũ xem tại Lý lịch Ban điều hành.
- » (*) Số lượng cổ phiếu nắm giữ (bao gồm cổ phiếu đại diện)



CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Ngọc Triệu	Chủ tịch HĐQT	05	100%	-
2	Nguyễn Tấn Vũ	Thành viên HĐQT	05	100%	-
3	Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT	03	60%	Miễn nhiệm TV HĐQT ngày 29/06/2023
4	Nguyễn Thanh Phong	Thành viên HĐQT	05	100%	-
5	Đào Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	05	100%	-

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT TRONG NĂM 2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Thanh Bình	TV. HĐQT – P.TGD	11/08/2020	29/06/2023

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

- Công ty có Ông Nguyễn Thanh Phong đáp ứng tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị độc lập

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Công ty không có Thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty.

CÁC NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	11/NQ-HĐQT	24/04/2023	Nghị quyết về việc thống nhất gia hạn tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.
2	12/NQ-HĐQT	04/05/2023	Nghị quyết về thống nhất thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.
3	13/NQ-HĐQT	29/06/2023	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.
4	14/NQ-HĐQT	06/07/2023	Nghị quyết ĐHCĐ bất thường năm 2023.
5	15/NQ-HĐQT	08/08/2023	Nghị quyết về việc thay đổi kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2023.
6	25/QĐ-HĐQT	22/03/2023	Quyết định về việc phê duyệt quỹ tiền lương năm 2022.
7	26/QĐ-HĐQT	15/05/2023	Quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung Quy chế tiền lương và thu nhập của NLĐ Công ty.
8	27/QĐ-HĐQT	15/05/2023	Quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung Quy chế tiền lương và thu nhập của Người quản lý Công ty.
9	28/QĐ-HĐQT	05/06/2023	Quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung Quy chế tiền lương và thu nhập của Người quản lý Công ty.
10	29/QĐ-HĐQT	07/07/2023	Quyết định về việc cho thôi nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp
11	30/QĐ-HĐQT	07/07/2023	Quyết định về việc bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp
12	31/QĐ-HĐQT	10/07/2023	Quyết định về việc giao nhiệm vụ, kế hoạch SXKD năm 2023 Công ty Mẹ
13	32/QĐ-HĐQT	10/07/2023	Quyết định về việc giao nhiệm vụ, kế hoạch SXKD năm 2023 Công ty Con
14	18A/QĐ-HĐQT	13/01/2023	Quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung Quy chế tiền lương và thu nhập của NLĐ Công ty



BAN KIỂM SOÁT



THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số CP sở hữu & đại diện sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Trịnh Văn Đấu	Trưởng ban	100	0,00003%
2	Ông Võ Minh Hùng	Thành viên	-	-
3	Ông Nguyễn Hữu Thuận	Thành viên	5.000	0,14%

LÝ LỊCH BAN KIỂM SOÁT

TRỊNH VĂN ĐẤU - Trưởng ban kiểm soát

- Ngày sinh: 10/11/1969
- Nơi sinh: Bến Tre
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 100 cổ phiếu, chiếm 0,00003% vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

VÕ MINH HÙNG - Kiểm soát viên

- Ngày sinh: 29/11/1979
- Nơi sinh: Bến Tre
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

NGUYỄN HỮU THUẦN - Kiểm soát viên

- Ngày sinh: 30/10/1960
- Nơi sinh: Bến Tre
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 5.000 cổ phiếu, chiếm 0,14% vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



BAN KIỂM SOÁT



(TIẾP THEO)

CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Số buổi họp Ban kiểm soát tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trịnh Văn Đấu	04	100%	-
2	Ông Võ Minh Hùng	04	100%	-
3	Ông Nguyễn Hữu Thuận	04	100%	-

NỘI DUNG CÁC CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

STT	Số biên bản	Ngày họp	Nội dung họp
1	01	03/02/2023	<ul style="list-style-type: none"> Thẩm định tiền lương thực hiện của người lao động và viên chức quản lý năm 2022. Thống nhất một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 để tham gia ý kiến cuộc họp HĐQT lần 1 năm 2023.
2	02	18/04/2023	<ul style="list-style-type: none"> Thẩm định tiền lương kế hoạch điều chỉnh của người lao động và viên chức quản lý năm 2023. Xem xét điều chỉnh giảm một số chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch 2023.
3	03	08/08/2023	Ban kiểm soát thẩm định báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm và đánh giá một số chỉ tiêu tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023
4	04	15/12/2023	Ban kiểm soát tham gia kiểm kê cuối năm và kế hoạch phân công thành viên BKS thẩm định tiền lương thực hiện của người lao động và viên chức quản lý năm 2023.





BAN KIỂM SOÁT



(TIẾP THEO)

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT



Giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023



Giám sát việc tuân thủ pháp luật Nhà nước, Điều lệ và các Quy chế nội bộ đối với HĐQT, BTGD trong việc quản lý và điều hành.



Kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con



Kiểm tra, giám sát công tác hạch toán kế toán, đảm bảo tuân thủ Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các Chuẩn mực Kế toán Việt nam.



Ban kiểm soát đã phối hợp với Hội Đồng Quản Trị chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2023, Ban kiểm soát được tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp giao ban của Ban Tổng Giám Đốc (TGD), đồng thời khi có yêu cầu cung cấp cũng nhận được các hồ sơ, tài liệu văn bản chỉ đạo và điều hành của HĐQT và Ban liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát nhằm để phối hợp, để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của Công ty, từ đó tham gia ý kiến về các chủ trương chính sách của HĐQT và Ban TGD, góp phần thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT



Ban kiểm soát kết hợp các Phòng ban và Xí nghiệp Liên Hợp thẩm định, kiểm tra, giám sát quá trình sửa chữa thường xuyên phương tiện vận tải.



Ban kiểm soát đã phối hợp với BĐH tiến hành xây dựng tiền lương kế hoạch năm 2023, thẩm định tiền lương thực hiện năm 2022 của người lao động và tiền lương của viên chức quản lý.



Kiểm soát hoạt động: Xem xét đánh giá các quy trình trọng yếu của công ty, kiểm tra các đơn vị trực thuộc Công ty nhằm phát hiện các rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót từ đó đề xuất, kiến nghị các giải pháp phù hợp cho ban lãnh đạo.



Kiểm soát báo cáo tài chính: kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính, phân tích ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính. Giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực hiện những ý kiến do Ban kiểm soát đưa ra.



Xem xét, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính, kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2023 đã được Đại hội cổ đông thông qua.



Ban kiểm soát kết hợp với các Phòng ban, Xí nghiệp kiểm tra lịch trình hoạt động và thời gian hoạt động của xe ép rác từng chuyến từ nơi tập kết rác về đến bãi rác An Hiệp.



Ban kiểm soát kết hợp với các Phòng ban, Xí nghiệp kiểm tra lịch trình hoạt động, thời gian hoạt động từng chuyến tưới nước của xe tưới theo từng tuyến được phân công của bộ phận phụ trách.



Ban kiểm soát thường xuyên kiểm tra, giám sát CNVC-LĐ trong việc chấp hành Nội quy lao động công ty, bảo hộ lao động do công ty trang cấp.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH



LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH CỦA HĐQT; BKS VÀ BĐH

ĐVT: Đồng

Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng	Tổng
Thành viên Hội đồng quản trị					
Nguyễn Ngọc Triệu	Chủ tịch HĐQT	516.272.534	-	64.534.067	580.806.601
Nguyễn Tấn Vũ	TV. HĐQT – TGD	490.577.386	-	61.322.173	551.899.559
Nguyễn Thanh Phong	TV. HĐQT	-	84.000.000	-	84.000.000
Đào Mạnh Hùng	TV. HĐQT	-	84.000.000	-	84.000.000
Ban kiểm soát					
Trịnh Văn Đẩu	Trưởng ban Kiểm soát	402.001.036	-	50.250.130	452.251.166
Nguyễn Hữu Thuận	Kiểm soát viên	-	66.000.000	-	66.000.000
Võ Minh Hùng	Kiểm soát viên	-	66.000.000	-	66.000.000
Ban điều hành					
Nguyễn Tấn Vũ	TV. HĐQT – TGD	Như trên	Như trên	Như trên	Như trên
Nguyễn Thanh Bình	P. TGD	430.510.103	-	53.813.763	484.323.866
Lê Văn Vũ	P. TGD	419.060.119	-	52.382.515	471.442.634
Trần Thị Vân Nghi	Kế toán trưởng	394.584.042	-	49.323.005	443.907.047

GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

- Không có

GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

- Không có

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Tên tổ chức/ Cá nhân	Mối liên hệ liên quan với Công ty	Số giấy NSH(*), ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/HĐQT/ ĐHĐCĐ thông qua	Nội dung giao dịch, tổng giá trị giao dịch
Công ty TNHH MTV Xây dựng và phát triển đô thị Bến Tre	Công ty con	1301024140, do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp đổi lần thứ 4 ngày 17/07/2023	Số 26 Nguyễn Huệ, phường An Hội, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam	04/NQ-HĐQT ngày 15/03/2021 của Hội đồng quản trị Công ty CP Công trình đô thị Bến Tre về giao dịch với các bên có liên quan	Cung cấp dịch vụ, thi công công trình, cho thuê tài sản; tổng giá trị giao dịch năm 2023 là 12,197 tỷ đồng
Công ty TNHH MTV Phúc Thịnh	Doanh nghiệp do Ông Nguyễn Thanh Phong - TV HĐQT làm Giám đốc có giao dịch với Công ty con	1300577537, do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp đổi lần 3 ngày 02/06/2014	Số 434Đ, đường Tiểu dự án, ấp 4, Xã Nhơn Thạnh, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	04/NQ-HĐQT ngày 15/03/2021 của Hội đồng quản trị Công ty CP Công trình đô thị Bến Tre về giao dịch với các bên có liên quan	Thi công các hạng mục công trình, tổng giá trị giao dịch năm 2023 là 1,012 tỷ đồng

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty luôn chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác quản trị Công ty như:

- Luật, Nghị định, Thông tư và Quy định về quản trị công ty, về hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Các văn bản luật có liên quan khác.
- Công ty đã cụ thể hóa các quy định về quản trị tại các quy định nội bộ bao gồm: Điều lệ hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.



06



Báo cáo tài chính

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN



Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty (bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre - Công ty mẹ và Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Bến Tre – Công ty con) (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”).

1. Khái quát chung về Tập đoàn

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước, được cổ phần hóa và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1300113091 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 18 tháng 12 năm 2006. Theo Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2014 và Quyết định điều chỉnh số 2701/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre, Công ty đã thực hiện việc xác định giá trị doanh nghiệp và tiến hành cổ phần hóa. Ngày 29 tháng 01 năm 2015 Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là Công ty Cổ phần và thay đổi lần thứ 08, ngày 15 tháng 03 năm 2023 về việc thay đổi thông tin của người đại diện pháp luật của Công ty.

Công ty niêm yết trên sàn giao dịch UpCom với mã chứng khoán là BTU.

Vốn điều lệ: 36.000.000.000 đồng (ba mươi sáu tỷ đồng), tương đương 3.600.000 cổ phần.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng.

2. Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : Số 26, Nguyễn Trung Trực, phường An Hội, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Điện thoại : +84-(275) 3826 358
Mã số thuế : 13 00 1 13 0 9 1

3. Cấu trúc của Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của công ty mẹ.

Số lượng công ty con được hợp nhất: 01 công ty.

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Bến Tre	Số 26, Nguyễn Huệ, phường An Hội, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Dịch vụ chăm sóc cây xanh công viên, hệ thống chiếu sáng công cộng, xây dựng công trình công ích, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, tư vấn giám sát công tác thi công xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật	100%	100%	100%	100%	100%	100%

4. Ngành nghề kinh doanh

- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh;
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động chất thải khác;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre nứa) và động vật sống;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề;
- Tư vấn giám sát công tác thi công xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật.

5. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

5.1. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Triệu	Chủ tịch	23/01/2015	-
Ông Nguyễn Tấn Vũ	Thành viên	23/01/2015	-
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên	23/01/2015	-
Ông Đào Mạnh Hùng	Thành viên	03/06/2017	-
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên	11/08/2020	29/06/2023

5.2. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trịnh Văn Đẩu	Trưởng ban	27/04/2016	-
Ông Nguyễn Hữu Thuần	Thành viên	27/04/2016	-
Ông Võ Minh Hùng	Thành viên	11/08/2020	-

5.3. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tấn Vũ	Tổng Giám đốc	11/08/2020	-
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	01/09/2020	-
Ông Lê Văn Vũ	Phó Tổng Giám đốc	15/10/2016	-
Bà Trần Thị Vân Nghi	Kế toán trưởng	15/10/2016	-

6. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Ngọc Triệu – Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ông Nguyễn Tấn Vũ – Tổng Giám đốc.

Trách nhiệm đại diện theo pháp luật được quy định tại Điểm 1, Điều 3 Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty.

7. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Tập đoàn Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 08 đến trang 36.

8. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tập đoàn.

10. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số: 2416 /24/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre và Công ty con là Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Bến Tre (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 19 tháng 3 năm 2024 (từ trang 08 đến trang 36), bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Bến Tre, ngày 19 tháng 3 năm 2024

TM. Hội đồng Quản trị



NGUYỄN NGỌC TRIỆU
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2024.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Trần Văn Hiệp – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN số: 2141-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Thị Tuyết Vân - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số: 2839-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		78.487.560.187	64.412.942.183
110	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	31.430.457.171	34.952.864.264
111	1. Tiền		7.430.457.171	11.452.864.264
112	2. Các khoản tương đương tiền		24.000.000.000	23.500.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		35.978.569.752	21.071.270.161
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	39.677.307.081	24.796.422.032
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	2.869.222.677	343.995.505
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	1.178.203.202	933.876.815
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(7.746.163.208)	(5.003.024.191)
140	IV. Hàng tồn kho		10.838.974.958	7.822.095.399
141	1. Hàng tồn kho	V.6	10.838.974.958	7.822.095.399
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		239.558.306	566.712.359
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	115.586.199	133.531.741
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.12	123.972.107	433.180.618
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		9.995.622.068	11.230.526.155
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
216	1. Phải thu dài hạn khác		-	-
220	II. Tài sản cố định		8.229.985.196	9.372.304.752
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	8.229.985.196	9.372.304.752
222	- Nguyên giá		31.501.735.570	30.210.826.479
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(23.271.750.374)	(20.838.521.727)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		34.726.800	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.9	34.726.800	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.730.910.072	1.858.221.403
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	1.730.910.072	1.858.221.403
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		88.483.182.255	75.643.468.338

175
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE
V VÀ T
V VI
HỒ C

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

ĐVT: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C- NỢ PHẢI TRẢ		30.620.987.430	20.976.270.867
310	I. Nợ ngắn hạn		30.620.987.430	20.911.725.412
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.10	3.715.103.849	2.760.091.778
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.11	880.651.029	937.736.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	863.725.822	156.690.579
314	4. Phải trả người lao động		5.547.779.499	6.304.337.505
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.13	855.854.552	349.242.526
316	6. Phải trả nội bộ		-	-
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	6.959.284.616
319	8. Phải trả ngắn hạn khác	V.14	9.966.007.061	201.383.136
320	9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.15	64.545.455	250.000.000
321	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	V.16	7.129.393.978	1.876.933.422
322	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.17	1.597.926.185	1.116.025.850
330	II. Nợ dài hạn		-	64.545.455
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-	64.545.455
400	D- VỐN CHỦ SỞ HỮU		57.862.194.825	54.667.197.471
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.18	57.862.194.825	54.621.385.544
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		36.000.000.000	36.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		36.000.000.000	36.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		14.060.446.897	12.352.543.851
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.801.747.928	6.268.841.693
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.668.841.693	2.156.769.789
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay		5.132.906.235	4.112.071.904
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	45.811.927
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	45.811.927
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		88.483.182.255	75.643.468.338

Bến Tre, ngày 19 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

TRẦN THỊ HỒNG MAI

TRẦN THỊ VĂN NGHI

NGUYỄN TẤN VŨ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	103.096.032.184	80.653.331.486
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	2.315.038.770
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		103.096.032.184	78.338.292.716
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	76.823.256.237	59.718.610.652
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		26.272.775.947	18.619.682.064
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	971.691.546	673.066.833
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.4	17.822.906.292	11.930.525.547
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.421.561.201	7.362.223.350
31	12. Thu nhập khác	VI.5	617.700.507	663.120.530
32	13. Chi phí khác	VI.6	256.599.566	36.525.761
40	14. Lợi nhuận khác		361.100.941	626.594.769
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.782.662.142	7.988.818.119
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.7	1.243.146.911	1.004.228.090
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		8.539.515.231	6.984.590.029
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		8.539.515.231	6.984.590.029
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8	1.900	1.530
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.9	1.900	1.530

Bến Tre, ngày 19 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

TRẦN THỊ HỒNG MAI

TRẦN THỊ VĂN NGHI

NGUYỄN TẤN VŨ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		9.782.662.142	7.988.818.119
	2. Điều chỉnh các khoản		9.457.136.674	3.579.452.913
02	- Khấu hao tài sản cố định	VII.3	2.433.228.647	2.022.797.691
03	- Các khoản dự phòng	VII.4	7.995.599.573	2.374.578.419
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VII.5	(971.691.546)	(817.923.197)
06	- Chi phí lãi vay		-	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		19.239.798.816	11.568.271.032
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(17.341.230.097)	13.096.304.955
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(3.016.879.559)	(4.575.072.235)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		5.598.797.823	(1.635.407.865)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		145.256.873	(610.687.480)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(900.000.000)	(1.355.355.920)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		59.480.527	45.753.486
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(1.276.286.142)	(1.982.769.747)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		2.508.938.241	14.551.036.226
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.325.635.891)	(2.368.866.467)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		971.691.546	2.291.928.581
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(353.944.345)	(76.937.886)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(250.000.000)	(250.000.000)
35	5. Tiền trả nợ thuế tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.427.400.989)	(4.311.792.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.677.400.989)	(4.561.792.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)		(3.522.407.093)	9.912.306.340
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		34.952.864.264	25.040.557.924
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	31.430.457.171	34.952.864.264

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre – Công ty mẹ và Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Bến Tre – Công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre là công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Cung cấp dịch vụ công ích đô thị;
- Thi công các công trình chiếu sáng, cây xanh;
- Duy tu bảo trì cầu đường.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Tư vấn giám sát công tác thi công xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

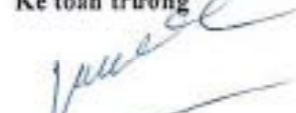
Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Tập đoàn.

Người lập biểu

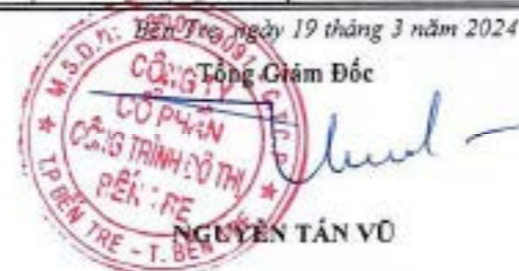


TRẦN THỊ HỒNG MAI

Kế toán trưởng



TRẦN THỊ VÂN NGHI



Tổng Giám Đốc

NGUYỄN TẤN VŨ

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của công ty mẹ.
Số lượng công ty con được hợp nhất: 01 công ty.

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối năm			Số đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Bến Tre	Số 26, Nguyễn Huệ, phường An Hội, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Dịch vụ chăm sóc cây xanh công viên, hệ thống chiếu sáng công cộng, xây dựng công trình công ích, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, tư vấn giám sát công tác thi công xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật	100%	100%	100%	100%	100%	100%

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn có 224 nhân viên đang làm việc (Số đầu năm là 237 nhân viên).

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Báo cáo này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và tiền đang chuyển.
- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: căn cứ vào các chứng khoán ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp, được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy, chi phí chung trực tiếp.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

▪ Nguyên tắc đánh giá:

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai

do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

▪ Phương pháp khấu hao áp dụng:

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

▪ Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
Máy móc, thiết bị	06 – 10 năm
Phương tiện vận tải	06 – 10 năm

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập Công ty được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: chiếu sáng công cộng, công viên cây xanh, duy tu cầu đường, vệ sinh đô thị

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng: công trình xây dựng cơ bản, công trình chiếu sáng, công trình cây xanh

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc đã thực thu tiền.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc giảm giá vốn hàng bán.

15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm và giảm 50% thuế cho 05 năm tiếp theo đối với thu nhập từ lĩnh vực xã hội hóa (thu nhập từ hoạt động vệ sinh môi trường) và áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% theo Điều 15, 16 của Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 và Khoản 19, Điều 1 Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015. Năm 2023 là năm thứ 5 doanh nghiệp được giảm 50% thuế đối với thu nhập từ lĩnh vực xã

hội hóa (thu nhập từ hoạt động vệ sinh môi trường) và áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10%.

Thu nhập từ các hoạt động khác và thu nhập khác Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất phổ thông là 20%.

• **Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	504.754.601	226.189.476
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.925.702.570	11.226.674.788
Các khoản tương đương tiền ^(*)	24.000.000.000	23.500.000.000
Cộng	31.430.457.171	34.952.864.264

^(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Bến Tre và Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Bến Tre với lãi suất trong khoảng từ 2,7% đến 6%.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	303.130.303	2.650.390.399
Công ty TNHH MTV Phúc Thịnh	303.130.303	2.650.390.399
Phải thu các khách hàng khác	39.374.176.778	22.146.031.633
Phòng Quản lý Đô thị Tp. Bến Tre	13.281.276.719	1.791.479.260
Công ty Cổ phần xử lý rác thải Bến Tre	10.164.498.070	10.164.498.070
Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh Tp. HCM	3.623.007.767	-
Phòng Quản lý Đô thị Tp. Sóc Trăng	1.518.779.000	-
Ủy ban nhân dân Thị trấn Châu Thành	678.516.806	293.421.164
Công ty Cổ phần Núi Hồng	617.131.367	345.815.513
Công ty CP Xây dựng Công trình Giao thông Bến Tre	374.272.080	374.272.080
Ủy ban nhân dân xã An Hiệp	352.053.992	217.744.167
Ủy ban nhân dân xã Giao Long	354.504.721	177.310.921
Ủy ban nhân dân xã Tân Thạch	337.876.114	385.805.688
Ủy ban nhân dân xã Tiên Thủy	240.200.558	265.258.007
Các đối tượng khác	7.832.059.584	8.130.426.763
Cộng	39.677.307.081	24.796.422.032

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước các khách hàng khác</i>	2.869.222.677	343.995.505
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Diên Hà	1.459.222.677	-
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn	1.320.000.000	-
Các đối tượng khác	90.000.000	343.995.505
Cộng	2.869.222.677	343.995.505

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu khác</i>	1.178.203.202	933.876.815
Phải thu cổ phần hóa ⁽¹⁾	380.942.818	380.942.818
Tam ứng	191.974.654	442.516.267
Ký quỹ bảo lãnh tạm ứng thực hiện hợp đồng	468.868.000	-
Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	117.000.000	-
Phải thu khác	19.417.730	110.417.730
Cộng	1.178.203.202	933.876.815

⁽¹⁾Chi phí thoái vốn nhà nước chưa được quyết toán.

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	(5.003.024.191)	(3.569.632.019)
Trích lập dự phòng	(2.743.139.017)	(1.594.648.372)
Hoàn nhập dự phòng	-	161.256.200
Số dư cuối kỳ	(7.746.163.208)	(5.003.024.191)

⁽¹⁾Chi tiết khoản dự phòng:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Quá hạn trên 3 năm</i>	2.420.848.486	-	841.815.685	-
Công ty Cổ phần xử lý rác thải Bến Tre	1.579.032.801	-	-	-
Xí nghiệp 11- Chi nhánh Tổng Công ty 319	404.525.605	-	404.525.605	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông Bến Tre	374.272.080	-	374.272.080	-
Công ty TNHH MTV SX & TM Điện T&H	63.018.000	-	63.018.000	-
<i>Quá hạn từ 2 năm – dưới 3 năm</i>	4.697.138.000	1.409.141.400	1.579.032.801	473.709.840
Công ty Cổ phần xử lý rác thải Bến Tre	4.697.138.000	1.409.141.400	1.579.032.801	473.709.840
<i>Quá hạn từ 1 năm – dưới 2 năm</i>	4.074.636.243	2.037.318.121	4.697.138.000	2.348.569.000
Công ty Cổ phần xử lý rác thải Bến Tre	3.888.327.269	1.944.163.634	4.697.138.000	2.348.569.000
Công ty Cổ phần Quản lý Xây dựng và Sản xuất Việt Tín	186.308.974	93.154.487	-	-
<i>Quá hạn từ 6 tháng – dưới 1 năm</i>	-	-	2.357.721.817	1.650.405.272
Công ty cổ phần xử lý rác thải Bến Tre	-	-	2.357.721.817	1.650.405.272
Cộng	11.192.622.729	3.446.459.521	9.475.708.303	4.472.684.112

⁽¹⁾Dự phòng nợ phải thu khó đòi bằng giá gốc trừ giá trị có thể thu hồi.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.040.956.301	-	1.369.814.831	-
Công cụ, dụng cụ	69.628.627	-	69.628.627	-
Chi phí SXKD dở dang ⁽¹⁾	8.680.410.844	-	6.323.763.662	-
Hàng hóa	47.979.186	-	58.888.279	-
Cộng	10.838.974.958	-	7.822.095.399	-

^(*) Chi tiết gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vệ sinh đô thị	5.458.159.521	3.355.529.993
Công viên cây xanh	1.356.491.466	927.259.907
Thuê bao duy tu cầu đường	303.035.567	871.399.058
Công trình chiếu sáng công cộng	282.300.990	470.746.773
Trồng cây xanh cải tạo vỉa hè đường CM tháng 8	156.000.000	-
Xây kim tịnh và Nâng cấp, sửa chữa nội bộ tại Nghĩa trang TP.Bến Tre	722.446.091	-
Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Phân khu 2, thị trấn Mỏ Cày	232.267.500	-
Các công trình khác	169.709.709	698.827.931
Cộng	8.680.410.844	6.323.763.662

7. Chi phí trả trước

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ đang sử dụng	62.083.094	57.715.830
Chi phí sửa chữa xe	28.008.343	42.033.336
Bảo hiểm xe	18.190.333	18.392.000
Chi phí khác	7.304.429	15.390.575
Cộng	115.586.199	133.531.741

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	133.531.741	206.746.405
Tăng trong năm	354.487.735	350.971.910
Phân bổ trong năm	(372.433.277)	(424.186.574)
Số cuối năm	115.586.199	133.531.741

7b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ đang sử dụng	965.065.233	599.914.773
Chi phí sửa chữa	344.964.588	803.758.447
Chi phí sử dụng đất	388.146.501	397.499.433
Chi phí khác	32.733.750	57.048.750
Cộng	1.730.910.072	1.858.221.403

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.858.221.403	1.174.319.259
Tăng trong năm	1.179.006.351	1.435.976.327
Phân bổ trong năm	(1.306.317.682)	(752.074.183)
Số cuối năm	1.730.910.072	1.858.221.403

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	5.383.464.809	1.979.168.545	22.772.081.130	76.111.995	30.210.826.479
Tăng trong năm	-	-	1.290.909.091	-	1.290.909.091
Mua trong năm	-	-	1.290.909.091	-	1.290.909.091
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	5.383.464.809	1.979.168.545	24.062.990.221	76.111.995	31.501.735.570
Trong đó:					
TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng	1.869.116.764	1.575.214.000	8.576.080.362	76.111.995	12.096.523.121
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	4.084.309.563	1.665.089.681	15.013.010.488	76.111.995	20.838.521.727
Tăng trong năm	321.655.800	106.862.575	2.004.710.272	-	2.433.228.647
Khấu hao trong kỳ	321.655.800	106.862.575	2.004.710.272	-	2.433.228.647
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	4.405.965.363	1.771.952.256	17.017.720.760	76.111.995	23.271.750.374
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.299.155.246	314.078.864	7.759.070.642	-	9.372.304.752
Số cuối năm	977.499.446	207.216.289	7.045.269.461	-	8.229.985.196

Trong đó, không có tài sản cố định dùng để thế chấp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí dịch vụ thẩm định giá và lập hồ sơ thầu mua xe ép rác.

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả tổ chức và nhà cung cấp khác	3.715.103.849	2.760.091.778
Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng	1.435.246.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thiết bị Môi trường Bến Tre	1.003.999.264	1.214.406.340
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Kiên Giang	478.139.856	75.470.439
Các đối tượng khác	797.718.729	1.470.214.999
Cộng	3.715.103.849	2.760.091.778

Trong đó, số nợ quá hạn thanh toán với số tiền là 0 đồng.

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước các tổ chức và cá nhân khác</i>	880.651.029	937.736.000
BQL dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre	857.334.000	937.736.000
Các đối tượng khác	23.317.029	-
Cộng	880.651.029	937.736.000

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	123.333.433	-	5.178.854.213 (4.677.020.008)	625.167.638	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp ^(*)	-	433.180.618	1.243.146.911 (900.000.000)	-	90.033.707	-
Thuế thu nhập cá nhân	33.357.146	-	287.889.005 (280.808.907)	40.437.244	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	45.549.856 (79.488.256)	-	33.938.400	-
Thuế môn bài	-	-	5.000.000 (5.000.000)	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	198.120.940	-	198.120.940	-
Cộng	156.690.579	433.180.618	6.958.560.925 (5.942.317.171)	863.725.822	123.972.107	

• **Thuế giá trị gia tăng:** Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

• **Thuế thu nhập doanh nghiệp:**

+ *Tại công ty mẹ:*

Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm và giảm 50% thuế cho 05 năm tiếp theo đối với thu nhập từ lĩnh vực xã hội hóa (thu nhập từ hoạt động vệ sinh môi trường) và áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% theo Điều 15, 16 của Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 và Khoản 19, Điều 1 Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015. Năm 2023 là năm thứ 5 doanh nghiệp được giảm 50% thuế đối với thu nhập từ lĩnh vực xã hội hóa (thu nhập từ hoạt động vệ sinh môi trường) và áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10%.

Thu nhập từ các hoạt động khác và thu nhập khác Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất phổ thông là 20%.

+ *Tại công ty con:*

Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất phổ thông là 20%.

(*) Thuế TNDN phải nộp trong năm 2023 gồm:

	Số tiền
Chi phí thuế TNDN năm 2023	1.138.070.403
Chi phí thuế TNDN năm 2022 bổ sung trong năm 2023	105.076.508
Cộng	1.243.146.911

• **Tiền thuê đất:** Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

• **Các loại thuế khác:** Công ty kê khai và nộp theo qui định.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí vận chuyển rác	526.914.863	-
Chi phí xử lý rác và nhân công đổ rác	121.011.618	-
Chi phí quà tết cho nhân viên	78.700.000	-
Chi phí kiểm toán	38.888.889	29.629.630
Chi phí tiền điện	24.797.231	-
Chi phí tiền nước	13.818.966	9.181.366
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	51.722.985	310.431.530
Cộng	855.854.552	349.242.526

14. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức, cá nhân khác</i>	9.966.007.061	-
Khoản thu Dịch vụ vệ sinh phải nộp Ngân sách	9.816.646.349	-
Ký quỹ đảm bảo thực hiện hợp đồng	144.690.712	1.690.712
Phải trả cổ tức	4.598.000	8.208.000
Phải trả khác	72.000	99.129.950
Cộng	9.966.007.061	201.383.136

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Là khoản vốn Ngân sách nhà nước tài trợ cho Công ty theo Quyết định số 72/QĐ-STC ngày 05/10/2017 về việc mua sắm TSCĐ chuyên dụng cụ thể: Mua 02 xe ép rác 6m3 phục vụ công ích đô thị, khoản vốn Ngân sách cấp ban đầu là 1.814.545.455 đồng. Khoản vốn Ngân sách cấp này sẽ được Công ty trả dần trong 8 năm.

Số dư vay ngắn hạn là khoản vay còn lại đến hạn trả trong năm 2024 với số dư nợ vay là 64.545.455 đồng.

16. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Dự phòng bảo hành công trình</i>	<i>623.025.114</i>	<i>697.372.782</i>
Nâng cấp, mở rộng công viên Trần Văn Ôn - Hệ thống đèn chiếu sáng	105.374.303	-
Lắp đèn CSCC các ngõ hẻm trên địa bàn TP Sóc Trăng	75.938.950	-
Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Phân khu 2 (đoạn từ QL.57 đến cầu 17/1 mới), thị trấn Mô Cây	75.000.000	-
Cải tạo hệ thống chiếu sáng đô thị xã Phú Phụng	57.334.265	-
Trồng cây xanh tại Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Hòn Đất	50.372.046	-
Cải tạo, trồng dặm cây xanh quốc lộ 60 mới	47.540.428	-
Các công trình khác	211.465.122	697.372.782
<i>Trích dự phòng tiền lương</i>	<i>4.074.806.037</i>	<i>1.179.560.640</i>
<i>Chi phí thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt trên địa bàn huyện Châu Thành từ nhà máy xử lý rác Bến Tre về bãi rác An Hiệp, Ba Tri</i>	<i>2.431.562.827</i>	-
Cộng	7.129.393.978	1.876.933.422

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Trích từ lợi nhuận		Chi trong năm	Số cuối năm
		Tăng khác	Tăng khác		
Quỹ khen thưởng	577.240.507	1.152.834.556	17.070.000	(714.034.000)	1.033.111.063
Quỹ phúc lợi	110.873.728	128.092.729	-	(91.930.000)	147.036.457
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành Công ty	427.911.615	417.778.665	42.410.527	(470.322.142)	417.778.665
Cộng	1.116.025.850	1.698.705.950	59.480.527	(1.276.286.142)	1.597.926.185

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu tình hình biến động vốn của chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	36.000.000.000	10.955.625.845	6.476.769.789	53.432.395.634
Tăng trong năm	-	1.396.918.006	6.984.590.029	8.381.508.035
- Lợi nhuận sau thuế	-	1.396.918.006	6.984.590.029	8.381.508.035
Giảm trong năm	-	-	(7.192.518.125)	(7.192.518.125)
Số dư cuối năm trước	36.000.000.000	12.352.543.851	6.268.841.693	54.621.385.544
Số dư đầu năm nay	36.000.000.000	12.352.543.851	6.268.841.693	54.621.385.544
Tăng trong năm	-	1.707.903.046	8.539.515.231	10.247.418.277
- Lợi nhuận sau thuế	-	1.707.903.046	8.539.515.231	10.247.418.277
Giảm trong năm	-	-	(7.006.608.996)	(7.006.608.996)
Số dư cuối năm nay	36.000.000.000	14.060.446.897	7.801.747.928	57.862.194.825

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND/USD)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND/USD)
	VND/USD	Tỷ lệ (%)		
Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre (đại diện vốn góp Nhà nước)	21.600.000.000	60,00%	21.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn ô tô Hiệp Hòa	5.297.000.000	14,71%	5.297.000.000	-
Ông Nguyễn Thanh Phong	1.800.000.000	5,00%	1.800.000.000	-
Ông Ngô Trung Kiên	598.000.000	1,66%	598.000.000	-
Các cổ đông khác	6.705.000.000	18,63%	6.705.000.000	-
Cộng	36.000.000.000	100,00%	36.000.000.000	-

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	36.000.000.000	36.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	36.000.000.000	36.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.006.608.996	7.192.518.125
+ Chia cổ tức cho cổ đông	3.600.000.000	4.320.000.000
+ Tạm trích quỹ khen thưởng	1.152.834.556	995.304.078
+ Tạm trích quỹ phúc lợi	128.092.729	52.384.426
+ Tạm trích quỹ thưởng Ban điều hành	417.778.665	427.911.615
+ Tạm trích quỹ đầu tư phát triển	1.707.903.046	1.396.918.006

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.600.000	3.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.600.000	3.600.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.600.000</i>	<i>3.600.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.600.000	3.600.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.600.000</i>	<i>3.600.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	14.060.446.897	12.352.543.851
Cộng	14.060.446.897	12.352.543.851

Tình hình sử dụng Quỹ đầu tư phát triển:

Năm	Nội dung	Số tiền
2016	Mua 01 xe ép rác 8 m ³	1.639.027.272
	Sửa chữa nhà 26 Nguyễn Huệ làm trụ sở Công ty TNHH MTV Xây dựng & Phát triển Đô thị Bến Tre	123.598.319
2017	Mua 01 xe ô tô tải gắn cầu	1.467.978.000
	Xây dựng 01 nhà kho để ươm cây giống	198.084.784
	Sửa chữa đại tu xe ép rác 71C.03719	184.973.052
	Mua 02 xe ép rác 6m ³	1.842.865.036
2018	Mua sắm 01 xe rút hầm cầu 600 lít	515.947.273
	Mua 01 xe ô tô tải tự đổ	268.040.773
2019	Mua xe ô tô chở rác 9,5 m ³	1.400.007.151
	Mua xe ô tô chở rác 6 m ³	1.120.920.759
	Mua xe hoa lâm	196.800.000
	Mua xe tưới nước 9m ³	767.687.000
2020	Mua xe ủi KOMATSU D30P-15	345.454.545
	Mua xe ô tô cuốn ép chở rác 9,5 m ³	1.457.626.909
	Mua xe ô tô tải 71C 098.96 2,49 tấn	442.885.000
2021	Mua xe tưới nước 9,1m ³	780.561.500
2022	Mua máy băm cành cây	58.500.000
	Mua xe ô tô chở rác hiệu HINO 14 m ³	2.310.366.467
	Mua xe chở rác hiệu HINO, biển số 71C-111.62	554.545.455
2023	Mua xe chở rác hiệu HINO, biển số 71C_113.73	736.363.636
	Cộng	16.412.232.931

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
<i>Doanh thu thi công công trình</i>	<i>21.801.375.201</i>	<i>8.084.887.306</i>
Công trình cây xanh	5.996.442.688	1.434.332.379
Công trình duy tu cầu đường	1.234.269.006	-
Công trình vệ sinh đô thị	462.746.852	-
Công trình chiếu sáng	11.181.834.586	6.161.477.917
Công trình khác	2.926.082.069	489.077.010
<i>Doanh thu dịch vụ công ích</i>	<i>81.230.346.104</i>	<i>72.532.925.998</i>
Vệ sinh đô thị	52.051.866.010	36.041.617.384
Công viên cây xanh	20.440.794.916	21.833.815.381
Duy tu cầu đường	4.765.812.781	8.886.167.070
Chiếu sáng công cộng	3.971.872.397	5.771.326.163
<i>Doanh thu khác</i>	<i>64.310.879</i>	<i>35.518.182</i>
Cộng	103.096.032.184	80.653.331.486

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
<i>Giá vốn thi công công trình</i>	<i>18.371.893.622</i>	<i>7.099.245.090</i>
Công trình cây xanh	5.451.578.954	1.249.129.459
Công trình duy tu cầu đường	941.997.175	-
Công trình vệ sinh đô thị	182.639.477	-
Công trình chiếu sáng	9.317.207.090	5.583.554.796
Công trình khác	2.478.470.926	266.560.835
<i>Giá vốn dịch vụ công ích</i>	<i>58.457.107.573</i>	<i>52.614.665.067</i>
Vệ sinh đô thị	35.193.539.919	25.210.194.426
Công viên cây xanh	16.200.212.484	17.599.071.006
Duy tu cầu đường	4.629.357.625	6.502.268.344
Chiếu sáng công cộng	2.433.997.545	3.303.131.291
<i>Giá vốn hoạt động khác</i>	<i>(5.744.958)</i>	<i>4.700.495</i>
Cộng	76.823.256.237	59.718.610.652

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi Ngân hàng.

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	7.858.747.206	7.580.923.499
Chi phí đồ dùng văn phòng	263.024.031	283.903.551
Chi phí khấu hao TSCĐ	110.036.352	110.036.352
Thuế, phí, lệ phí	487.395.979	5.000.000
Chi phí dự phòng	6.817.945.054	1.882.903.688
Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.809.226	162.497.701
Chi phí bằng tiền khác	2.140.948.444	1.905.260.756
Cộng	17.822.906.292	11.930.525.547

5. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	617.512.260	504.960.167
Các khoản khác	188.247	158.160.363
Cộng	617.700.507	663.120.530

6. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế GTGT chậm nộp các công trình chiếu sáng công cộng	198.120.940	-
Thu nhập từ việc cho Công ty con thuê đất	11.150.000	27.875.000
Chi phí khác	47.328.626	8.650.761
Cộng	256.599.566	36.525.761

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.782.662.142	7.988.818.119
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.132.465.928	407.488.209
<i>Chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế</i>	<i>1.132.465.928</i>	<i>407.488.209</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	(25.575.900)	-
<i>Giảm tiền thuê đất năm 2022 đã kê khai quyết toán thuế TNDN năm 2022</i>	<i>(25.575.900)</i>	<i>-</i>
Thu nhập chịu thuế	10.889.552.170	8.396.306.328
Chuyển lỗ và bù trừ lãi/lỗ	-	-
Thu nhập tính thuế	10.889.552.170	8.396.306.328
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Thu nhập hoạt động VSĐT được miễn thuế</i>	<i>6.932.266.871</i>	<i>4.500.221.175</i>
Thuế suất	10%	10%
Thuế TNDN áp dụng thuế suất ưu đãi trong lĩnh vực VSĐT	693.226.687	450.022.118
Thuế TNDN từ hoạt động VSĐT được miễn giảm (giảm 50%)	(346.613.344)	(225.011.059)
Thuế TNDN còn phải nộp theo thuế suất ưu đãi	346.613.343	225.011.059
- <i>Thu nhập hoạt động SXKD khác</i>	<i>3.957.285.299</i>	<i>3.896.085.153</i>
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	791.451.060	779.217.031
Thuế TNDN các năm trước bỏ sung trong năm 2023	105.076.508	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.243.146.911	1.004.228.090

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.539.515.231	6.984.590.029
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.698.705.950)	(1.475.600.119)
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ^(*)	(1.698.705.950)	(1.475.600.119)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.840.809.281	5.508.989.910
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.600.000	3.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.900	1.530

^(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại trừ khi xác định lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.840.809.281	5.508.989.910
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	6.840.809.281	5.508.989.910
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.600.000	3.600.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.900	1.530

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.831.270.955	19.092.552.321
Chi phí nhân công	34.789.348.768	33.736.705.956
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.249.731.391	1.839.300.435
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.433.086.330	14.910.314.692
Chi phí khác	7.823.536.313	8.238.888.918
Cộng	89.126.973.757	77.817.762.322

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VNĐ)

1. Các giao dịch không bằng tiền

Không phát sinh.

2. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Không phát sinh.

3. Khấu hao tài sản cố định

Toàn bộ là khấu hao TSCĐ hữu hình.

4. Các khoản dự phòng

	Năm nay	Năm trước
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.743.139.017	1.433.392.172
Dự phòng quỹ lương	2.895.245.397	1.179.560.640
Dự phòng phải trả ngắn hạn	2.357.215.159	(340.449.540)
- Chi phí dự phòng bảo hành công trình	(74.347.668)	(340.449.540)
- Chi phí dự phòng thu gom vận chuyển rác	2.431.562.827	-
Cộng	7.995.599.573	2.272.503.272

VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản tiềm tàng

Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

2. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

3. Các giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành)

Trong năm 2023, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên chủ chốt khác.

Tiền lương, thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt:

Tiền lương:		Năm nay	Năm trước
Họ và tên	Chức vụ		
Nguyễn Ngọc Triệu	Chủ tịch HĐQT	516.272.534	528.794.383
Nguyễn Tấn Vũ	Tổng Giám đốc	490.577.386	502.476.017
Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	430.510.103	453.740.958
Lê Văn Vũ	Phó Tổng Giám đốc	419.060.119	431.952.216
Trịnh Văn Đầu	Trưởng ban Kiểm soát	402.001.036	414.368.322
Trần Thị Vân Nghi	Kế toán trưởng	394.584.042	406.723.150
Cộng		2.653.005.220	2.738.055.046

Tiền lương:	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Thù lao:		Năm nay	Năm trước
Họ và tên	Chức vụ		
Nguyễn Thanh Phong	Thành viên HĐQT	84.000.000	84.000.000
Đào Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	84.000.000	84.000.000
Võ Minh Hùng	Thành viên BKS	66.000.000	66.000.000
Nguyễn Hữu Thuần	Thành viên BKS	66.000.000	66.000.000
Huỳnh Thanh Hải	Thư ký - Người quản trị	48.000.000	48.000.000
Cộng		348.000.000	348.000.000

Cổ tức:		Năm nay	Năm trước
Họ và tên	Chức vụ		
Nguyễn Tấn Vũ	Tổng Giám đốc	47.500.000	57.000.000
Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	10.450.000	12.540.000
Lê Văn Vũ	Phó Tổng Giám đốc	48.830.000	58.596.000
Trịnh Văn Đầu	Trưởng ban Kiểm soát	95.000	114.000
Trần Thị Vân Nghi	Kế toán trưởng	3.610.000	4.332.000
Cộng		110.485.000	132.582.000

3b. **Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Phúc Thịnh	Giám đốc Công ty này đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre
Công ty Cổ phần Ô tô chuyên dùng Hiệp Hòa	Giám đốc Công ty này đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre

Giao dịch với các bên liên quan khác

	Năm nay	Năm trước
❖ Công ty TNHH MTV Phúc Thịnh		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	966.822.286	2.409.445.817
+ Thi công công viên Trần Văn Ôn	783.714.879	2.409.445.817
+ Lắp đặt hệ thống chiếu sáng	183.107.407	
❖ Công ty Cổ phần Ô tô chuyên dùng Hiệp Hòa		
- Chi phí mua dịch vụ	7.600.000	-
+ Mua thiết bị sửa chữa xe chuyên dùng	7.600.000	-

Số dư với các bên liên quan khác

Số dư với các bên liên quan khác xem thuyết minh V.2.

4. Báo cáo bộ phận

4a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Năm nay	Thi công công trình	Dịch vụ công ích	Dịch vụ khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.801.375.201	81.230.346.104	64.310.879	103.096.032.184
Giá vốn hàng bán	18.371.893.622	58.457.107.573	(5.744.958)	76.823.256.237
Lãi gộp	3.429.481.579	22.773.238.531	70.055.837	26.272.775.947
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.084.887.306	70.217.887.228	35.518.182	78.338.292.716
Giá vốn hàng bán	7.099.245.090	52.614.665.067	4.700.495	59.718.610.652
Lãi gộp	985.642.216	17.603.222.161	30.817.687	18.619.682.064

4b. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của công ty là trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

6. Khả năng hoạt động liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Tập đoàn.

Bến Tre, ngày 19 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



TRẦN THỊ HỒNG MAI

TRẦN THỊ VÂN NGHI

NGUYỄN TẤN VŨ



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2023



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Bến Tre, ngày 12 tháng 04 năm 2024

